# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

## *16/06/2025 – 20/06/2025*

**Khối Nghiên cứu**

**MBS Head Office**
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

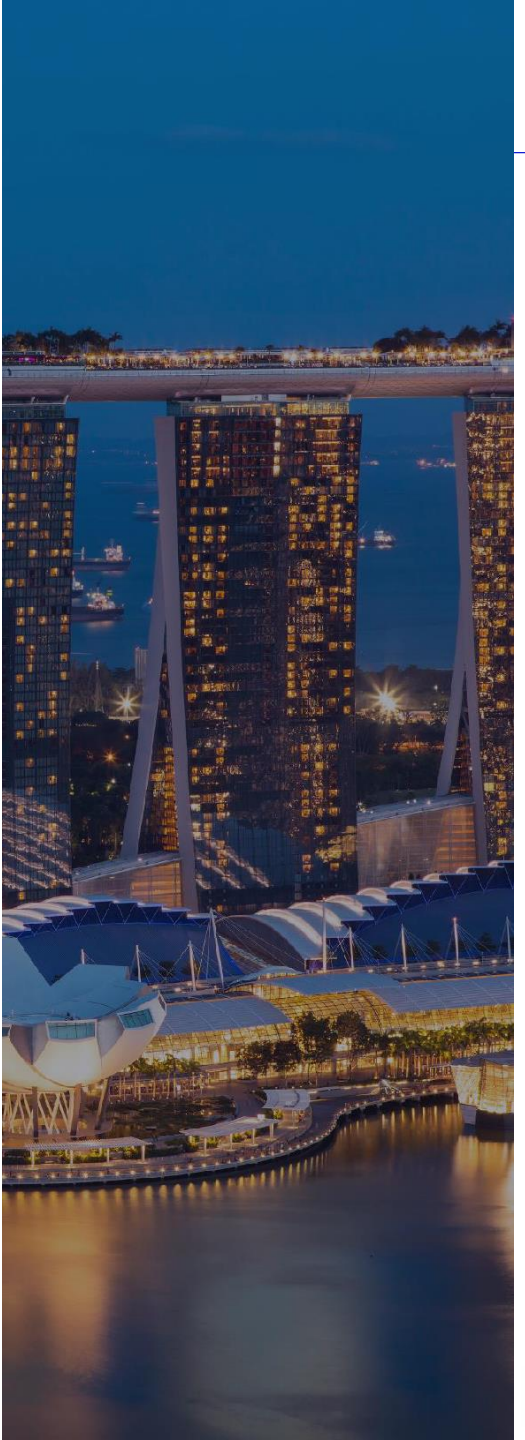

# Bối cảnh chứng khoán thế giới bất lợi, nhịp điều chỉnh tiếp diễn

- Thị trường chứng khoán thế giới đã giảm mạnh trong phiên cuối tuần trước và dự kiến sẽ tiếp tục chịu tác động từ xung đột Israel và Iran ngay trong phiên đầu tuần này. Nếu giá dầu thô tiếp tục tăng mạnh vì xung đột Israel - Iran, các số liệu lạm phát sẽ sớm có sự thay đổi theo hướng gia tăng, khi đó nhà đầu tư rút vốn khỏi cổ phiếu để tìm đến các tài sản an toàn như vàng và trái phiếu chính phủ. Căng thẳng giữa Israel và Iran leo thang trong bối cảnh thị trường toàn cầu đang chịu ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan khó đoán của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Mối đe dọa về mức thuế cao đối với hàng nhập khẩu vào Mỹ đã làm gián đoạn hoạt động thương mại toàn cầu, tác động tới tâm lý của nhà đầu tư, làm tăng chi phí cho cả người tiêu dùng và doanh nghiệp và làm chậm lại đà tăng trưởng toàn cầu. Tuần này nhiều NHTW sẽ có quyết định về lãi suất, trong đó Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) sẽ giữ nguyên lãi suất vào thứ Tư, tương tự như Ngân hàng Nhật Bản vào thứ Ba, tập trung vào lượng trái phiếu nắm giữ. Anh và Na Uy dự kiến sẽ giữ nguyên lãi suất trong khi Thụy Sĩ sẽ tiếp tục cắt giảm.

- Ở thị trường hàng hóa, từ giá Vàng thế giới cho tới giá Dầu, Bạc và Urê đều tăng trong tuần vừa qua. Bên cạnh đó, giá cước Container cũng đã tăng gần 67% trong vòng 1 tháng.

- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.315,49 điểm, giảm -14,40 điểm, tương đương giảm -1,08% so với tuần trước, đây là tuần giảm thứ 2 liên tiếp sau khi chỉ số này chạm ngưỡng 1.350 điểm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap lần lượt điều chỉnh giảm -1,08% và -1,41% trong khi nhóm Bluechips (Vn30) sụt -1,25%.

- Một số nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường: Bán lẻ (+4,61%), Dầu khí (+3,07%), Viettel (+2,53%), … Trong khi nhóm Vingroup (-10,68%), BĐS KCN (-3,58%), v.v…

- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 21.940 tỷ đồng, giảm -14% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -9,7% còn 20.446 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản nửa đầu tháng 6 đạt 23.739 tỷ đồng, giảm nhẹ -1,3% so với tháng 5 và thấp hơn gần -10% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 21.131 tỷ đồng, giảm -14% so với cùng kỳ nhưng tăng nhẹ +0,23% so với mức bình quân năm 2024.

- Khối ngoại quay lại ròng +212 tỷ đồng sau 3 tuần bán ròng liên tiếp. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với EIB (+262 tỷ đồng), DGW (+222 tỷ đồng), VPB (+186 tỷ đồng), trong khi bán ròng SHB (-238 tỷ đồng), HAH (-228 tỷ đồng), … trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại đã mua ròng: MBB (+1.036 tỷ đồng), NLG (+781 tỷ đồng), trong khi bán ròng VHM (-3.606 tỷ đồng), VCB (-871 tỷ đồng), v.v…

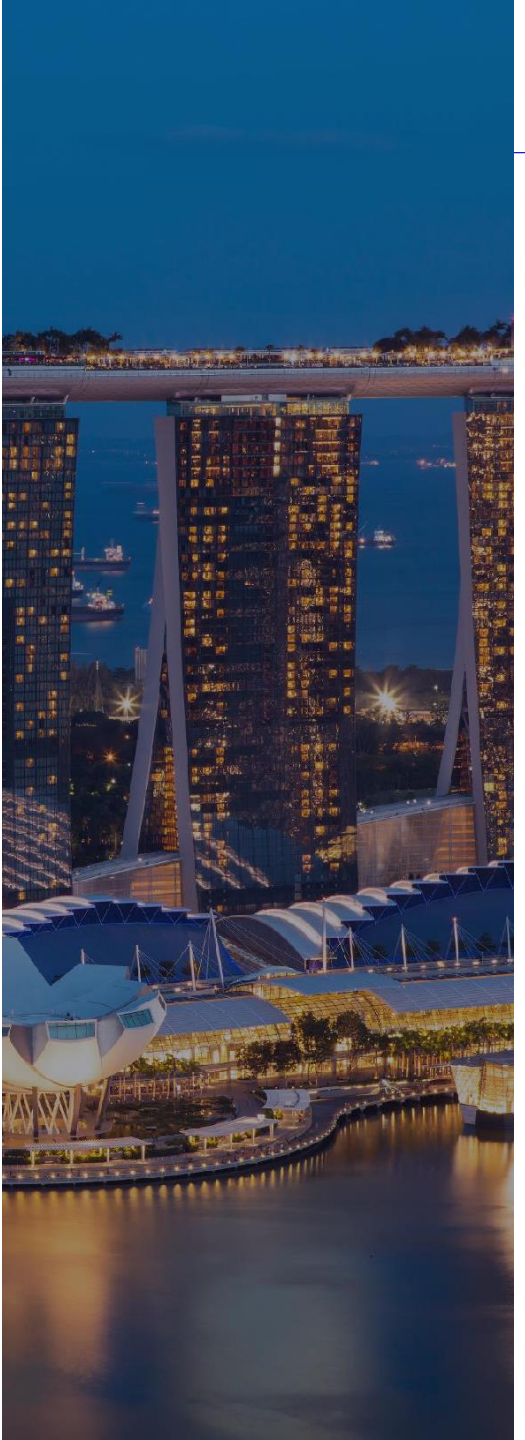

# Bối cảnh chứng khoán thế giới bất lợi, nhịp điều chỉnh tiếp diễn

- Thanh khoản giảm về mức thấp nhất 5 tuần nhưng dòng tiền hoạt động mạnh ở các nhóm cổ phiếu như: Dầu khí, Ngân hàng, Bán lẻ, Xây dựng và vật liệu xây dựng, Hóa chất, Viettel, Công nghệ.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 13,46 lần, đã tăng từ mức 12,4 lần đầu tháng 5, cao hơn 1 độ lệch chuẩn (13,4) nhưng vẫn thấp hơn giai đoạn đầu tháng 4(14,6) khi ở vùng mức giá, bên cạnh đó thị trường đang ở mức định giá thấp hơn 19,8% so với trung bình lịch sử (16,77), là cơ hội tiềm năng cho nhà đầu tư dài hạn.
- Nhận định thị trường: Đối với chứng khoán thế giới, căng thẳng Trung Đông tiếp tục chi phối thị trường, đặc biệt nếu Iran đóng cửa Eo biển Hormuz sẽ có tác động mạnh mẽ đến thị trường chứng khoán toàn cầu do đây là tuyến đường huyết mạch cho vận chuyển dầu thô và khí hóa lỏng (LNG), chiếm khoảng 25% nguồn cung dầu toàn cầu và 1/3 LNG. Phố Wall lo ngại lạm phát, suy thoái, và gián đoạn chuỗi cung ứng do giá dầu tăng và thuế quan của Trump. Bên cạnh yếu tố tác động từ căng thẳng Israel và Iran, chứng khoán thế giới tuần này cũng chịu tác động về các quyết định lãi suất của ngân hàng trung ương: Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) sẽ giữ nguyên lãi suất vào thứ Tư, tương tự như Ngân hàng Nhật Bản vào thứ Ba, tập trung vào lượng trái phiếu nắm giữ. Anh và Na Uy dự kiến sẽ giữ nguyên lãi suất trong khi Thụy Sĩ sẽ tiếp tục cắt giảm. Ngân hàng Thế giới (WB) đã cảnh báo trong tuần này rằng căng thẳng thương mại gia tăng và bất ổn chính sách dự kiến sẽ đẩy tăng trưởng toàn cầu xuống 2,3% trong năm nay, thấp hơn gần 0,5% so với mức dự kiến vào đầu năm và là tốc độ chậm nhất kể từ năm 2008 nếu không tính tới cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu. Ngân hàng Thế giới cho biết tình trạng hỗn loạn đã khiến dự báo tăng trưởng bị cắt giảm ở gần 70% tất cả các nền kinh tế. Tuy nhiên, không có dự báo suy thoái toàn cầu.
- Đối với thị trường trong nước: Thị trường hiện tại vẫn đang ở vùng trũng thông tin, nhà đầu tư đang kỳ vọng về một kịch bản tích cực có thể xảy ra đối với đàm phán thuế quan Việt – Mỹ khi thời gian đang ở giai đoạn nước rút trước thời hạn ngày 9/7. Việc chỉ số Vn-Index đột phá vùng cản (1.350 điểm) không thành công kèm thanh khoản ở mức cao đã tạo thành một vùng phân phối. Tuần vừa qua, thanh khoản sụt giảm dù đã có sự đóng góp 30.000 tỷ đồng ở phiên cuối tuần. Điều này cho thấy tâm lý thận trọng và chờ đợi thị trường phản ứng ở các ngưỡng hỗ trợ trong bối cảnh thông tin quốc tế tác động bất lợi. Về kỹ thuật, trong 7 năm trở lại đây, tháng 6 theo yếu tố mùa vụ không phải là tháng có xác suất tăng điểm cao (khi chỉ có 2/7 tháng tăng), thị trường đang tạo tín hiệu phân kỳ giữa chỉ số Vn-Index và RSI (14), do vậy khả năng một nhịp điều chỉnh ngắn vẫn sẽ tiếp diễn trong tuần này, ít nhất để kiểm tra vùng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm. Dòng tiền tiếp tục rút ra khỏi nhóm Vingroup ở tuần thứ 3 liên tiếp và nhóm cổ phiếu này cũng đã có 2 tuần điều chỉnh. Do vậy, trong kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index điều chỉnh về vùng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm để kiểm tra dòng tiền bắt đáy cũng như margin sau 2 tuần giảm điểm từ vùng phân phối có thanh khoản cao. Trong kịch bản này, những phiên tăng sẽ có thanh khoản thấp nhưng các phiên giảm sẽ có thanh khoản cao. Trong kịch bản thận trọng, việc chỉ số Vn-Index để mất ngưỡng hỗ trợ 1.320 điểm, do vậy phản hứng đáng chú ý vẫn ở vùng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm, tuy vậy trong kịch bản thuế quan và căng thẳng Trung Đông bất lợi, vùng hỗ trợ cho thị trường có thể ở 1.270 – 1.280 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Ưu tiên nhóm cổ phiếu dầu khí, cước Container, hóa chất, … có thể duy trì đà tăng do gián đoạn nguồn cung. Ngược lại, các nhóm cổ phiếu có liên quan đến xuất khẩu sẽ chịu tác động tiêu cực.

# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 06

## Các sự kiện chính trong tuần này (16/06 – 20/06)

| Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu |
|---|---|---|---|---|
| **16**<br>Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 5) | **17**<br>Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 5)<br>Nhật Bản: Quyết định lãi suất của BoJ | **18**<br>Anh: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 5)<br>Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 5) | **19**<br>Mỹ: Quyết định lãi suất của Fed<br>Úc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 5)<br>Anh: Quyết định lãi suất của BOE (tháng 6)<br>Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | **20**<br>Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 5)<br>Mỹ: Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (tháng 6)<br>Trung Quốc: Quyết định về lãi suất cho vay cơ bản của PBoC |

**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

## Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

| Index | Last | 1 Week | 1 Month | YTD | 1 Year |
|---|---|---|---|---|---|
| Global | 889.69 | -0.25% | 1.03% | 5.75% | 11.59% |
| Dow Jones | 42,197.79 | -1.32% | -1.07% | -0.81% | 9.35% |
| S&P 500 | 5,976.97 | -0.39% | 0.31% | 1.62% | 10.04% |
| Europe | 544.94 | -1.57% | -0.79% | 7.35% | 6.63% |
| Japanese | 37,834.25 | -0.52% | 0.21% | -5.16% | -2.53% |
| Korea | 2,894.62 | 2.94% | 10.19% | 20.63% | 4.94% |
| China | 3,377.00 | -0.25% | 0.28% | 0.75% | 11.36% |
| HongKong | 23,892.56 | 0.42% | 2.35% | 19.11% | 33.17% |
| Taiwan | 22,072.95 | 1.90% | 1.05% | -4.18% | -1.92% |
| Indian | 24,718.60 | -1.14% | -1.20% | 4.54% | 5.34% |
| Singapore | 3,911.42 | -0.58% | 0.35% | 3.27% | 18.62% |
| Malaysia | 1,518.11 | 0.09% | -3.41% | -7.56% | -5.55% |
| Indonesia | 7,166.07 | 0.74% | 0.84% | 1.22% | 6.40% |
| Thailand | 1,122.70 | -1.21% | -6.11% | -19.82% | -14.07% |
| Philippine | 6,395.59 | 0.29% | -1.08% | -2.04% | 0.19% |
| Vietnam | 1,315.49 | -1.08% | 1.08% | 3.85% | 2.78% |
| | | | | | |
| Brent Oil | 74.23 | 11.67% | 13.48% | -0.55% | -10.15% |
| Crude Oil WTI | 72.98 | 12.92% | 17.77% | 2.43% | -6.50% |
| Gold | 3,452.80 | 3.42% | 8.33% | 30.74% | 47.74% |
| | | | | | |
| S&P 500 VIX | 20.82 | 24.15% | 20.77% | 20.00% | 64.45% |
| Dollar Index | 98.18 | -0.97% | -2.74% | -9.34% | -6.98% |
| | | | | | |
| U.S. 10Y | 4.41 | -2.19% | -0.84% | -3.63% | 4.39% |
| U.S. 2Y | 3.95 | -2.14% | -1.05% | -6.79% | -16.09% |

*Nguồn: Update 15/06, Investing, MBS Research*

- Căng thẳng Trung Đông khiến thị trường chứng khoán thế giới giảm mạnh ở phiên cuối tuần và cả 3 chỉ số chứng khoán Mỹ cùng giảm trong tuần vừa qua. S&P 500 mất 0,4%, Nasdaq giảm 0,6% và Dow Jones mất 1,3% điểm số. Giá dầu thô tăng hơn 7% ở phiên cuối tuần.
- Liên quan tới kinh tế Mỹ, báo cáo khảo sát tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan công bố ngày thứ Sáu cho thấy niềm tin người tiêu dùng tăng mạnh trong tháng 6. Chỉ số tâm lý người tiêu dùng đạt mức 60,5 điểm, tăng 15,9% so với tháng trước và cao hơn nhiều so với mức 54 điểm mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.
- Giá vàng thế giới chốt phiên giao dịch ngày thứ Sáu (13/6) với mức tăng mạnh, tiến gần hơn tới kỷ lục mọi thời đại thiết lập hồi tháng 4, trong bối cảnh nhu cầu tài sản an toàn của nhà đầu tư toàn cầu tăng cao sau khi căng thẳng ở Vùng Vịnh bùng mạnh vì cuộc tấn công của Israel nhằm vào Iran.
- Đồng USD tăng giá trong phiên ngày thứ Sáu, khi vai trò "hầm trú ẩn" của bạc xanh được phát huy trở lại phần nào sau một thời gian suy giảm vì mối lo liên quan tới chính sách thương mại của ông Trump. Chỉ số Dollar Index chốt phiên ở mức 98,18 điểm, tăng hơn 0,2% so với phiên trước, nhưng vẫn giảm gần 1% trong cả tuần.
- Giá dầu Dầu tăng 12% ở tuần vừa qua do lo ngại dòng chảy năng lượng từ Vùng Vịnh có thể gián đoạn vì xung đột. Nếu giá dầu thô tiếp tục tăng mạnh vì xung đột Israel - Iran, các số liệu lạm phát sẽ sớm có sự thay đổi.

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

**Chỉ số S&P 500 không giữ được ngưỡng 6.000 điểm, trong khi Dow Jones thấp hơn vạch xuất phát kể từ đầu năm**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

**Trong khu vực Đông Nam Á (Asean6), Indonesia và Việt Nam có mức hồi phục tốt nhất kể từ đáy tháng 4**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

**Thị trường Hồng Kông và Hàn Quốc đang thu hút giới đầu tư sau mức tăng mạnh 19 - 21% kể từ đầu năm**

# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

| Energy | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| Crude OilUSD/Bbl | 72.98 | 13.0% | 15.6% | 1.8% | -6.5% |
| BrentUSD/Bbl | 74.23 | 11.7% | 12.3% | -0.6% | -10.2% |
| Natural gasUSD/MMBtu | 3.581 | -5.4% | 2.6% | -1.4% | 24.3% |
| GasolineUSD/Gal | 2.2371 | 7.5% | 4.5% | 11.2% | -6.9% |
| Heating OilUSD/Gal | 2.3822 | 11.8% | 9.8% | 2.8% | -3.6% |
| CoalUSD/T | 105.25 | 0.4% | 6.3% | -16.0% | -22.1% |
| TTF GasEUR/MWh | 37.54 | 2.8% | 8.0% | -25.6% | 5.9% |
| UK GasGBp/thm | 88.677 | 4.4% | 7.0% | -29.3% | 6.2% |
| EthanolUSD/Gal | 1.6825 | 0.0% | -1.3% | -0.4% | -12.4% |
| NaphthaUSD/T | 571.48 | 6.1% | 2.5% | -6.5% | -11.9% |
| UraniumUSD/Lbs | 69.75 | -1.1% | -2.6% | -4.5% | -19.5% |
| PropaneUSD/Gal | 0.78 | 5.1% | 1.7% | 0.4% | 3.9% |
| MethanolCNY/T | 2397 | 4.9% | -2.2% | -13.4% | -5.3% |
| Urals OilUSD/Bbl | 64.55 | 7.2% | 8.0% | -5.8% | -12.2% |

| Livestock | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| Feeder CattleUSd/Lbs | 306.02 | -1.3% | 2.3% | 16.2% | 16.9% |
| Live CattleUSd/Lbs | 224.91 | -0.5% | 5.2% | 17.4% | 20.4% |
| Lean HogsUSd/Lbs | 109.48 | 6.7% | 10.8% | 34.7% | 16.9% |
| BeefBRL/15KG | 314.35 | 1.0% | 2.1% | -1.0% | 42.1% |
| PoultryBRL/Kgs | 7.37 | -2.3% | -16.4% | -11.2% | 0.3% |
| Eggs USUSD/Dozen | 2.66 | 1.2% | -23.0% | -54.3% | 4.6% |
| Eggs CHCNY/T | 2824 | -1.6% | -7.2% | -19.8% | -19.0% |
| SalmonNOK/KG | 76.8 | 8.4% | -0.7% | -18.2% | -3.2% |

| Agricultural | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| SoybeansUSd/Bu | 1069.8 | 1.2% | -0.7% | 7.2% | -9.2% |
| WheatUSd/Bu | 543 | -2.1% | 3.5% | -1.5% | -11.4% |
| LumberUSD/1000 board feet | 626.02 | 3.9% | 4.9% | 13.8% | 26.3% |
| Palm OilMYR/T | 3927 | 0.3% | 0.1% | -11.6% | -0.5% |
| CheeseUSD/Lbs | 1.93 | 0.0% | 5.4% | 1.5% | -6.0% |
| MilkUSD/CWT | 18.75 | -0.1% | 1.5% | 0.2% | -5.6% |
| RubberUSD Cents / Kg | 161.7 | 0.4% | -8.8% | -18.1% | -6.2% |
| Orange JuiceUSd/Lbs | 274.1 | -1.9% | 3.0% | -44.9% | -36.1% |
| CoffeeUSd/Lbs | 349.23 | -2.3% | -6.7% | 9.0% | 54.5% |
| CottonUSd/Lbs | 65.367 | -0.3% | -0.2% | -4.4% | -6.6% |
| RiceUSD/cwt | 13.775 | 0.9% | 9.1% | -1.8% | -24.1% |
| CanolaCAD/T | 731.34 | 2.8% | 5.4% | 20.1% | 20.7% |
| OatUSd/Bu | 384.75 | 0.5% | 13.6% | 16.4% | 17.9% |
| WoolAUD/100Kg | 1197 | -0.2% | 0.5% | 3.7% | 2.3% |
| SugarUSd/Lbs | 16.09 | -3.6% | -9.0% | -16.6% | -15.2% |
| CocoaUSD/T | 9790.5 | -3.8% | -1.0% | -14.9% | 1.8% |
| TeaINR/Kgs | 205.08 | 7.0% | 5.3% | 20.6% | -2.8% |
| Sunflower OilINR/10 kg | 1239.6 | -0.7% | -6.1% | -2.3% | 31.4% |
| RapeseedEUR/T | 494.53 | 1.9% | 2.1% | -3.0% | 5.7% |
| BarleyINR/T | 2254 | -0.1% | -3.7% | -7.0% | 5.3% |
| ButterEUR/T | 7450 | -0.1% | 3.5% | 2.0% | 13.1% |
| PotatoesEUR/100KG | 15.9 | -7.0% | 15.2% | -45.6% | -60.3% |
| CornUSd/BU | 444.73 | 0.5% | -0.2% | -3.0% | -1.2% |

***Nguồn: Update 13/06, tradingeconomics, MBS Research***

# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

| Metals | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| GoldUSD/t.oz | 3432 | 3.6% | 7.7% | 30.8% | 47.2% |
| SilverUSD/t.oz | 36.299 | 0.9% | 12.7% | 25.7% | 22.8% |
| CopperUSD/Lbs | 4.7402 | -1.5% | 3.0% | 19.1% | 5.5% |
| SteelCNY/T | 2933 | -0.5% | -6.5% | -11.4% | -15.1% |
| LithiumCNY/T | 60650 | 0.8% | -6.3% | -19.2% | -37.8% |
| Iron Ore CNYCNY/T | 704 | 0.0% | -4.5% | -9.6% | -14.9% |
| PlatinumUSD/t.oz | 1208.7 | 3.1% | 23.5% | 35.2% | 25.5% |
| HRC SteelUSD/T | 862 | -1.8% | -3.3% | 21.6% | 17.3% |
| Iron OreUSD/T | 95.38 | -0.8% | -5.3% | -7.9% | -11.1% |
| TitaniumCNY/KG | 50.5 | 0.0% | 0.0% | 13.5% | 0.0% |

| Index | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| CRB IndexIndex Points | 379.93 | 3.1% | 4.2% | 6.5% | 10.4% |
| LME IndexIndex Points | 4110.9 | -0.1% | -0.7% | 5.3% | -1.7% |
| GSCI Index Points | 568.41 | 4.3% | 5.5% | 3.4% | -1.2% |
| SSE Consume Commodity | 7854.7 | -1.2% | -0.7% | -0.3% | -0.3% |
| Containerized Freight | 2240.4 | 0.0% | 66.6% | -8.9% | -33.7% |
| Nuclear Energy IndexUSD | 36.4 | 8.3% | 28.6% | 36.0% | 22.4% |
| Solar Energy IndexUSD | 35.13 | 4.6% | 0.1% | 4.3% | -22.8% |
| EU Carbon PermitsEUR | 75.94 | 3.3% | 5.0% | 4.0% | 10.8% |
| Wind Energy IndexUSD | 17.89 | 1.4% | 7.8% | 20.9% | 7.1% |

| Industrial | Price | Weekly | Monthly | YTD | YoY |
|---|---|---|---|---|---|
| BitumenCNY/T | 3649 | 4.3% | 4.3% | -1.1% | 5.4% |
| CobaltUSD/T | 33335 | -1.1% | -1.1% | 37.2% | 22.8% |
| LeadUSD/T | 1997 | 0.7% | 0.2% | 2.3% | -6.7% |
| AluminumUSD/T | 2506.1 | 2.2% | -0.7% | -1.8% | -0.5% |
| TinUSD/T | 32644 | 0.3% | -0.1% | 12.2% | -0.5% |
| ZincUSD/T | 2627 | -1.5% | -4.8% | -11.8% | -5.1% |
| NickelUSD/T | 15110 | -2.5% | -4.4% | -1.2% | -14.0% |
| MolybdenumCNY/Kg | 479.5 | 0.0% | 3.9% | 2.2% | -3.6% |
| PalladiumUSD/t.oz | 1023.5 | -2.7% | 8.0% | 15.1% | 16.0% |
| RhodiumUSD/t oz. | 5525 | -4.7% | 1.8% | 20.8% | 21.2% |
| PolyethyleneCNY/T | 7137 | 1.0% | -3.9% | -16.3% | -15.3% |
| PolyvinylCNY/T | 4763 | 1.6% | -0.2% | -3.3% | -21.3% |
| PolypropyleneCNY/T | 7076 | 1.3% | -1.9% | -4.1% | -6.8% |
| Soda AshCNY/T | 1310 | -1.4% | -5.6% | -14.3% | -39.4% |
| NeodymiumCNY/T | 552500 | -0.9% | 1.2% | 11.2% | 20.8% |
| TelluriumCNY/Kg | 705 | -4.1% | -4.7% | 9.3% | 17.5% |
| UreaUSD/T | 381.5 | 5.5% | -20.3% | 13.0% | 22.5% |
| Di-ammoniumUSD/T | 722.5 | 3.6% | 10.7% | 25.1% | 35.7% |
| MagnesiumCNY/T | 17350 | 0.3% | -6.2% | 2.1% | -9.6% |
| GalliumCNY/Kg | 1725 | 0.0% | -1.7% | -16.9% | -26.4% |
| GermaniumCNY/Kg | 14900 | -0.7% | -2.6% | -15.1% | 46.1% |
| ManganeseCNY/mtu | 29.35 | -0.7% | -3.0% | 2.1% | -30.9% |
| IndiumCNY/Kg | 2495 | 0.0% | -1.2% | -2.0% | -18.9% |
| Kraft PulpCNY/T | 5288 | 0.6% | 0.7% | -9.8% | -9.6% |

***Nguồn: Update 13/06, tradingeconomics, MBS Research***

## Lãi suất

- Tuần vừa qua, NHNN đã bơm ròng vào hệ thống nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống. Cụ thể, Nhà điều hành đã bơm ra thị trường khoảng 10.2 nghìn tỷ đồng (+61% so với tuần trước) thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7, 14, 35 và 91 ngày với lãi suất 4%. Khối lượng đáo hạn trong kỳ ước tính khoảng 8.7 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã bơm ròng vào hệ thống 1.4 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng trở lại trong tuần này. Cụ thể, lãi suất qua đêm tăng 1% so với cuối tuần trước lên mức 3.6%. Lãi suất kỳ hạn từ 1 tuần – 1 tháng dao động trong khoảng 3.9% - 4.1%, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng đang ở mức 4.7%.

### Lãi suất liên ngân hàng

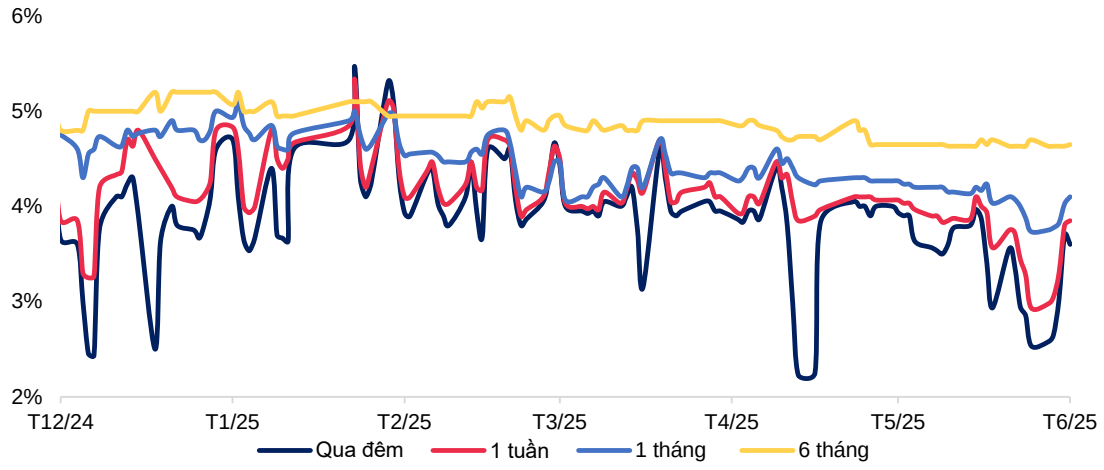


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

### Thi trường mở

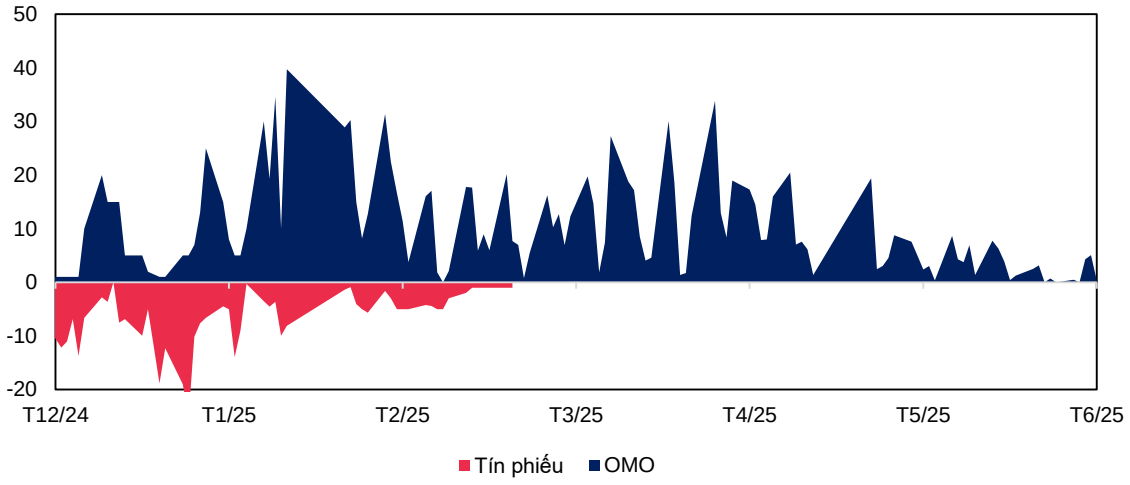


Nguồn: NHNN, MBS Research

## Thị trường ngoại hối và trái phiếu

Chỉ số DXY tiếp tục đà suy giảm và thậm chí đã giảm mạnh về mức thấp nhất kể từ T3/2022 tại 97.9 điểm vào ngày 12/6 ( -10.6% so với đỉnh năm 2025) sau khi dữ liệu cho thấy chỉ số CPI của Mỹ trong tháng 5 chỉ tăng 0.1%, thấp hơn mức 0.2% của dự báo, điều này cho thấy Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể tiếp tục cắt giảm lãi suất sớm hơn dự đoán. Công cụ FedWatch của CME Group hiện cho thấy thị trường đang định giá khoảng 62% khả năng Fed sẽ cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vào cuộc họp trong tháng này. Đến cuối tuần, chỉ số DXY đã phục hồi nhẹ lên mức 98.2 điểm sau khi Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận về thuế quan, qua đó giúp xoa dịu căng thẳng thương mại. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng hiện đang ở mức 26,072 VND/USD (+2.4% so với đầu năm). Tỷ giá tại thị trường tự do ở mức 26,330 VND/USD (+2.3% so với đầu năm), và tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,975 VND/USD (+2.6% so với đầu năm).

### Tỷ giá USD/VND

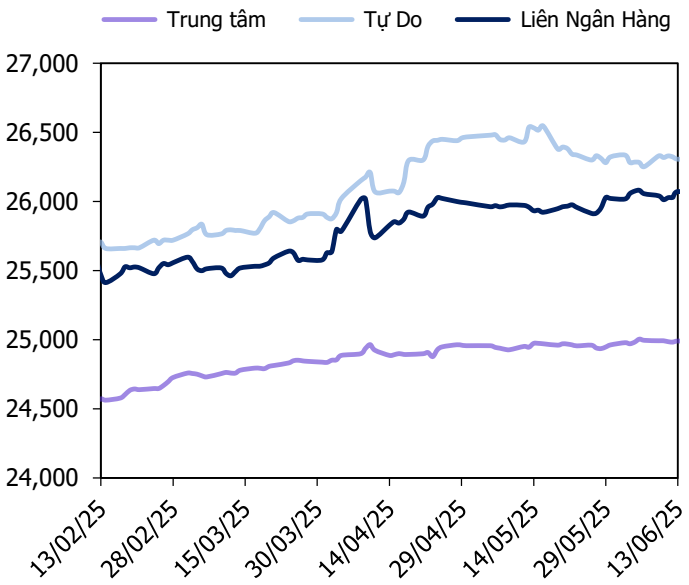


**Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research**

### Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N

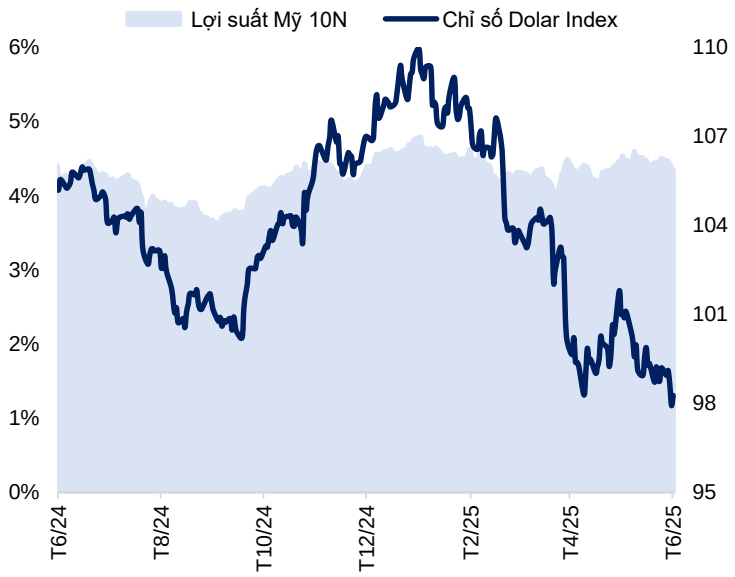


**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

### Lợi suất TPCP

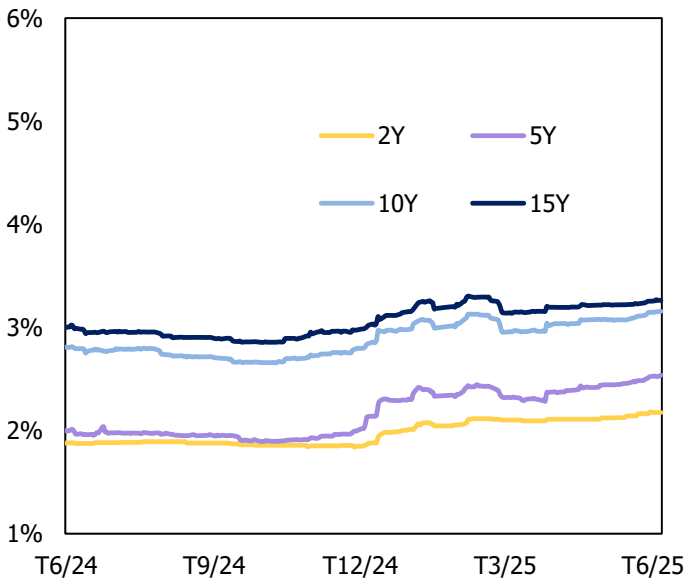


**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

## Kinh tế vĩ mô trong nước

- Trong T5/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 39.6 tỷ USD (+17% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 39.04 tỷ USD (+14.1% svck). Luỹ kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4.67 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T5/25 ước tính tăng 4.3% so với tháng trước và tăng 9.4% svck. Chỉ số PMI T5 ghi nhận tháng thứ hai liên tiếp ở dưới ngưỡng 50 điểm, nhưng đã tăng lên mức 49.8 điểm so với mức 45.6 điểm của tháng 4 khi sản lượng tăng trở lại trong bối cảnh chính sách thuế quan ổn định hơn.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10.2% svck trong T5. Luỹ kế 5T2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.7% svck, nếu loại từ yếu tố giá tăng 7.4% svck.

### Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)

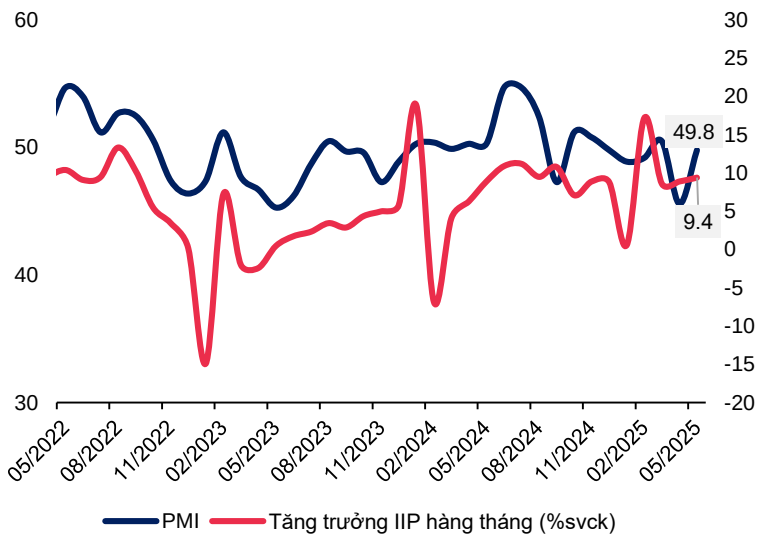


Nguồn: TCTK, MBS Research

### Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)

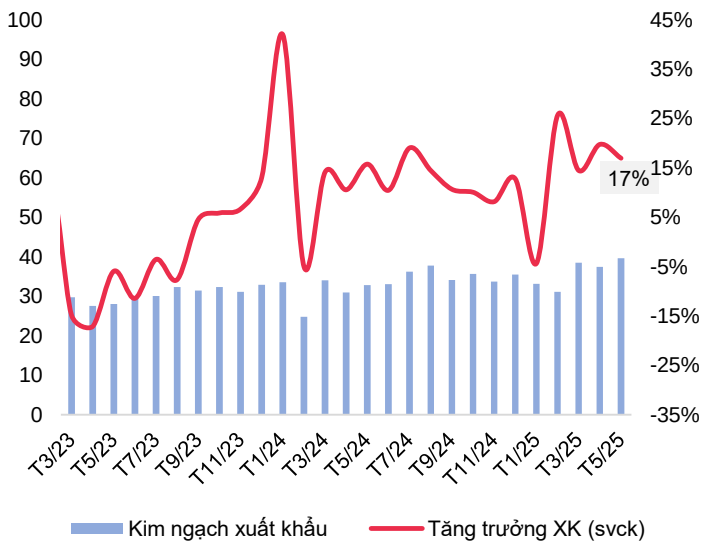


Nguồn: TCTK, MBS Research

### Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kì năm trước (Tỷ USD)

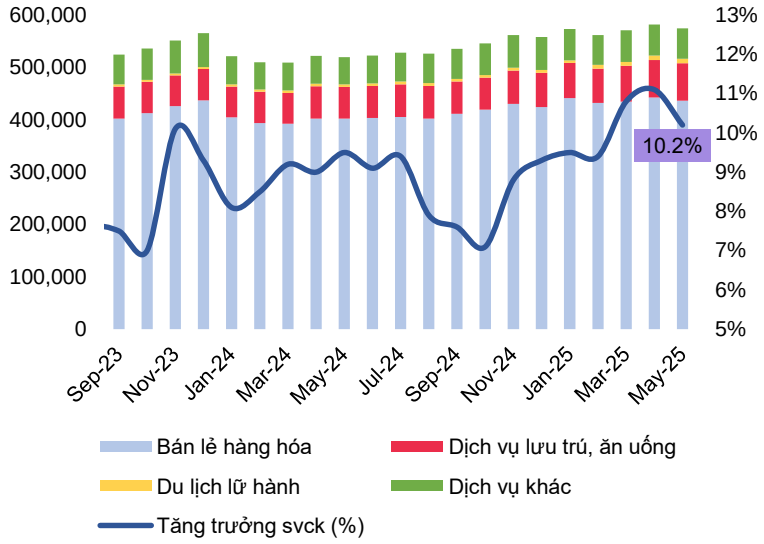


Nguồn: TCTK, MBS Research

## Kinh tế vĩ mô trong nước

### MBS VIETNAM MACRO SNAPSHOT

Tháng 5/2025

**IIP** ▲ 9.4%

**PMI** ▲49.8

- Chỉ số PMI tháng 5 ghi nhận tháng thứ hai liên tiếp ở dưới ngưỡng 50 điểm, nhưng đã tăng lên mức 49.8 điểm so với 45.6 điểm của tháng 4 khi sản lượng tăng trở lại trong bối cảnh chính sách thuế quan ổn định hơn.
- Chỉ số IIP T5/25 ước tính tăng 4.3% so với tháng trước và tăng 9.4% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 8.8% svck.

**Xuất siêu** T5/25

**0.56 tỷ US$**

Lũy kế thặng dư 4.67 tỷ US$

**Xuất khẩu**

T5/25 **39.6 tỷ US$** ▲ 17% svck

Lũy kế 180.23 tỷ US$

**Nhập khẩu**

T5/25 **39.04 tỷ US$** ▲ 14.1% svck

Lũy kế 175.56 tỷ US$

Lũy kế từ đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 180.23 tỷ USD (+14% svck). Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+91.8% svck); Điện tử, máy tính và linh kiện (+39.7% svck); Sản phẩm từ sắt thép (+31% svck). Trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 175.56 tỷ USD (+17.5% svck). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4.67 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 8.71 tỷ USD.

**Lạm phát**

T5/25 ▲3.2% svck

Bình quân từ đầu năm ▲3.2% svck

Chỉ số CPI tháng 5 tăng 3.24% svck - là mức tăng cao nhất kể từ T1/25. Các yếu tố chính đóng góp vào mức tăng của CPI trong tháng bao gồm: giá thịt lợn tăng 8.1% svck do luật chăn nuôi và dịch bệnh tác động khiến sản lượng nông hộ giảm; giá nhà ở thuê tăng 7.6% do giá bất động sản tăng khiến nhiều người chuyển sang thuê nhà dẫn đến tăng áp lực lên thị trường cho thuê. Tuy nhiên mức tăng của CPI T5/25 vẫn thấp hơn đáng kể so với mức tăng 4.44% của cùng kỳ năm ngoái nhờ giá xăng, dầu giảm 17.1% svck. Lạm phát bình quân 5T2025 tăng 3.21% svck - thấp hơn nhiều so với mức tăng 4% trong 5T2024; lạm phát cơ bản tăng 3.1% svck.

**FDI đăng ký cấp mới**

T5/25 **1.43 tỷ US$**

Lũy kế 7.02 tỷ US$ ▼ 13.2% svck

**FDI giải ngân**

T5/25 **2.16 tỷ US$**

Lũy kế 8.9 tỷ US$ ▲ 7.9% svck

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 5T25 đạt gần 18.4 tỷ USD (+51.2% svck).
- Vốn FDI thực hiện trong năm tháng đầu năm 2025 là mức cao nhất của bốn tháng trong 5 năm qua.

**Đầu tư công**

T5/25 **55.4 nghìn tỷ đồng** ▲ 15.3% svck

Lũy kế từ đầu năm giải ngân 221.8 nghìn tỷ đồng

▲ 17.5% svck 24.3% KH năm

**Bán lẻ, dịch vụ**

T5/25 ▲ 10.2% svck

Lũy kế ▲ 9.7% svck, nếu loại trừ yếu tố giá ▲ 7.4% svck

**Khách quốc tế đến Việt Nam**

T5/25 **1.53 triệu lượt người** ▲ 10.5% svck

Lũy kế 9.2 triệu lượt người ▲ 21.3% svck

Nguồn: TCTK, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Chỉ số Vn-Index giảm tuần thứ 2 liên tiếp từ ngưỡng 1.350 điểm, thanh khoản cũng thấp nhất 5 tuần gần đây

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.315,49 điểm, giảm -14,40 điểm, tương đương giảm -1,08% so với tuần trước, đây là tuần giảm thứ 2 liên tiếp sau khi chỉ số này chạm ngưỡng 1.350 điểm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap lần lượt điều chỉnh giảm -1,08% và -1,41% trong khi nhóm Bluechips (Vn30) sụt -1,25%.

Một số nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường: Bán lẻ (+4,61%), Dầu khí (+3,07%), Viettel (+2,53%), … Trong khi nhóm Vingroup (-10,68%), BĐS KCN (-3,58%), v.v…

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 21.940 tỷ đồng, giảm -14% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -9,7% còn 20.446 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản nửa đầu tháng 6 đạt 23.739 tỷ đồng, giảm nhẹ -1,3% so với tháng 5 và thấp hơn gần -10% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 21.131 tỷ đồng, giảm -14% so với cùng kỳ nhưng tăng nhẹ +0,23% so với mức bình quân năm 2024.

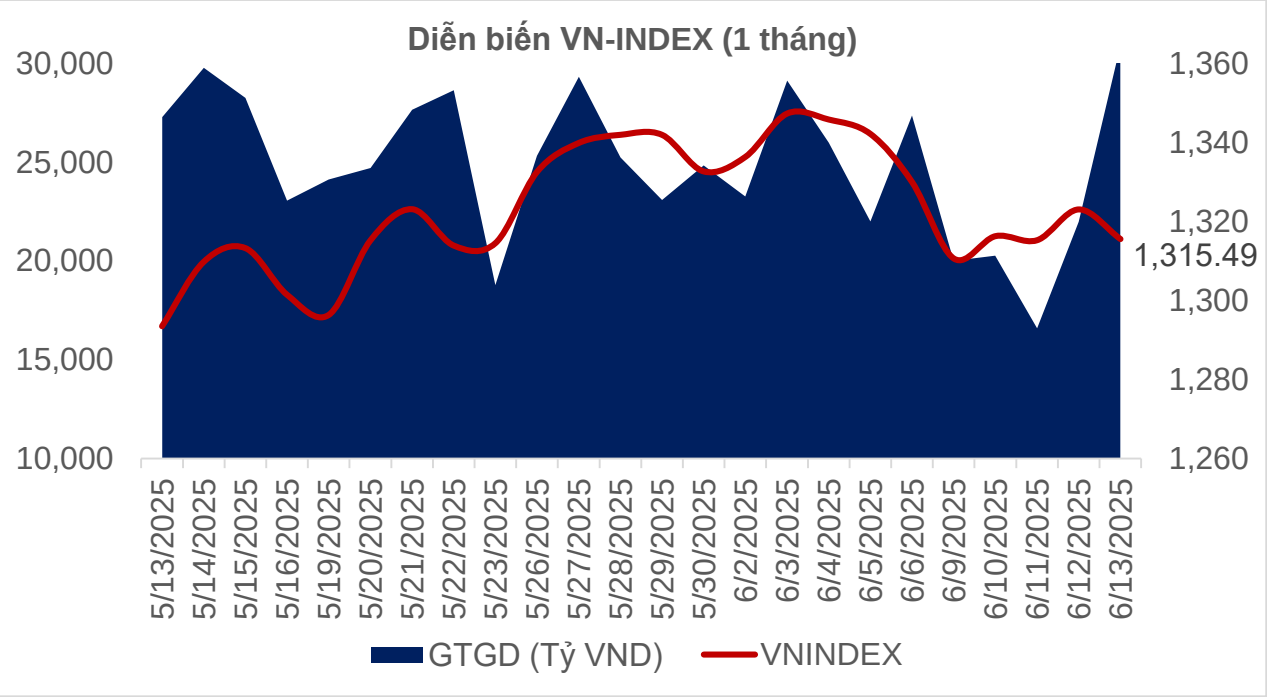


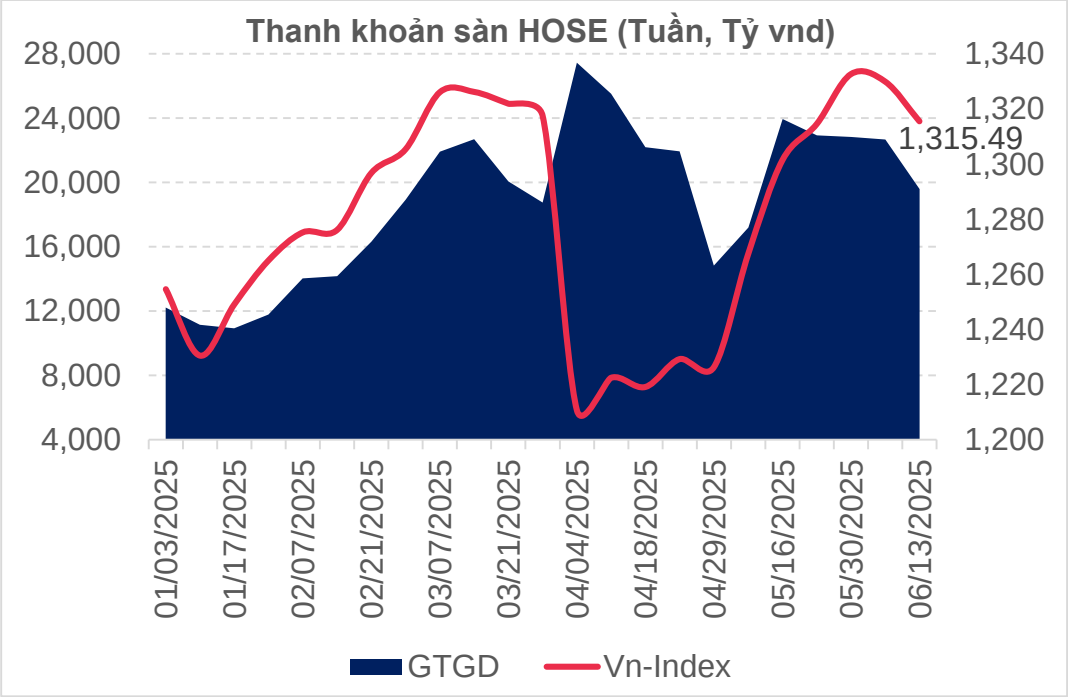


**Nguồn: FinX, MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

**Khối ngoại mua ròng trở lại +212 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -43.429 tỷ đồng**

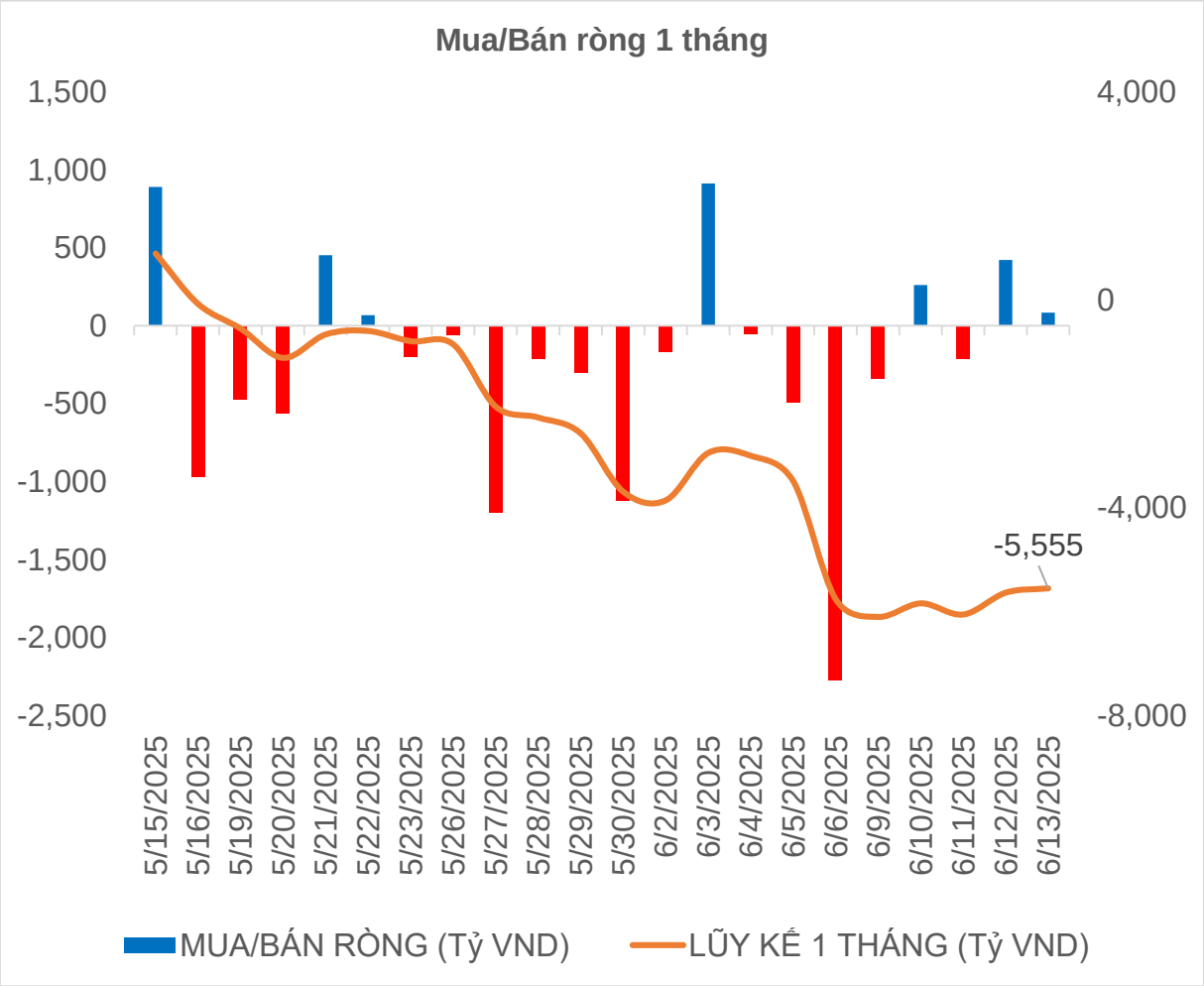


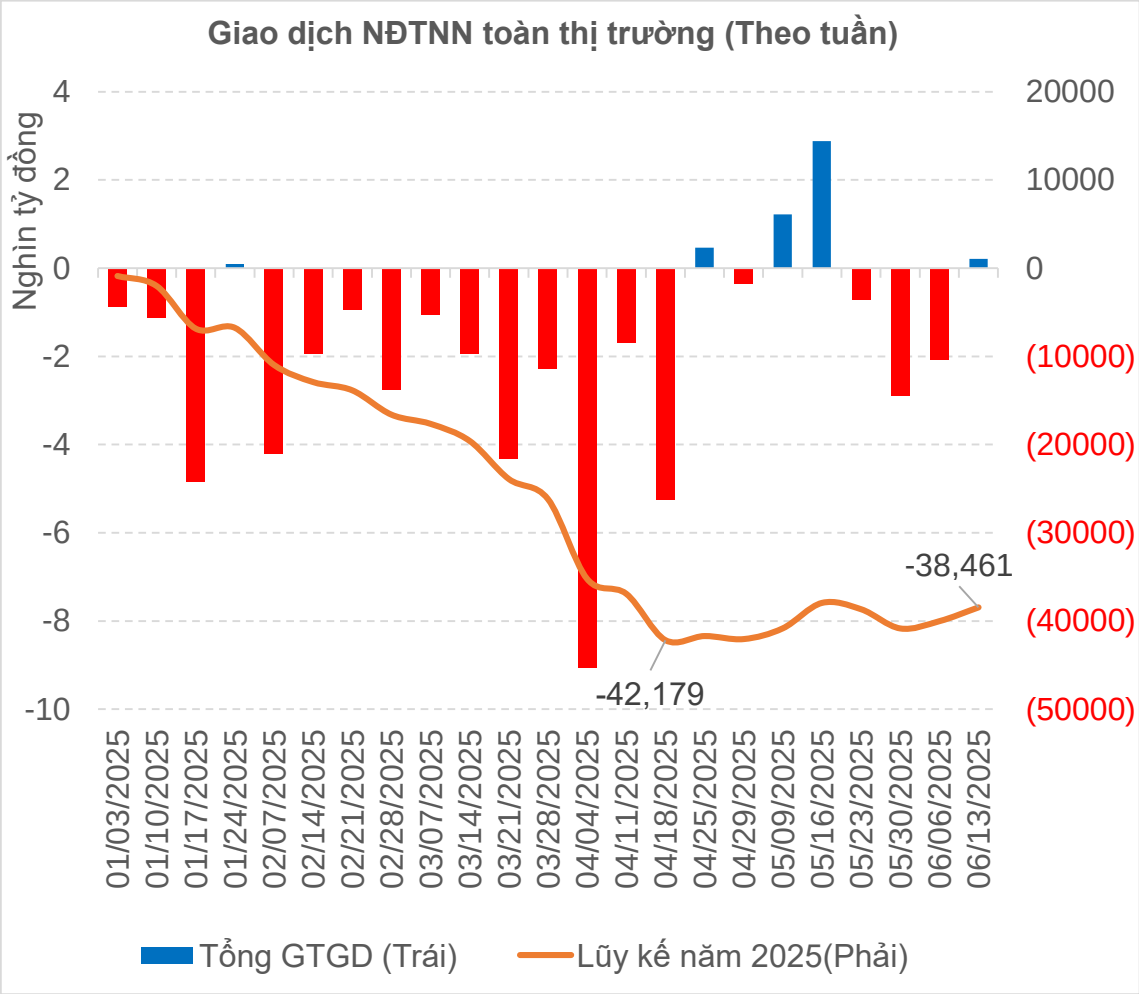


**Nguồn: FinX, MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Năm ngoái khối ngoại bán ròng kỷ lục 3,2 tỷ USD trên sàn HOSE, kể từ đầu năm nay khối ngoại chỉ còn bán ròng 1,57 tỷ USD

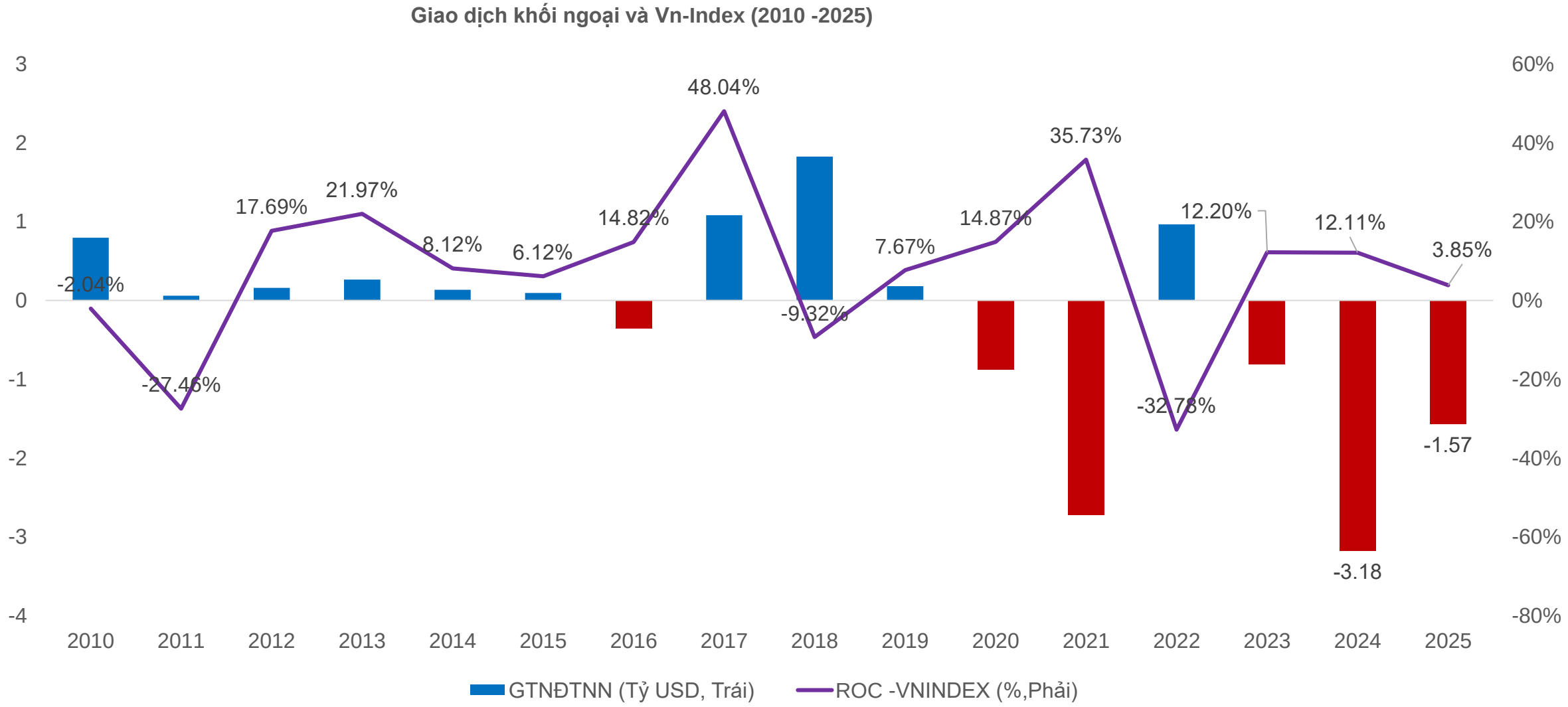


**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

**Khối ngoại quay lại bán ròng ở tháng 6 sau khi mua ròng trong tháng 5 (tháng đầu tiên khối ngoại quay lại mua ròng kể từ tháng 2/2024) (Tỷ VND)**

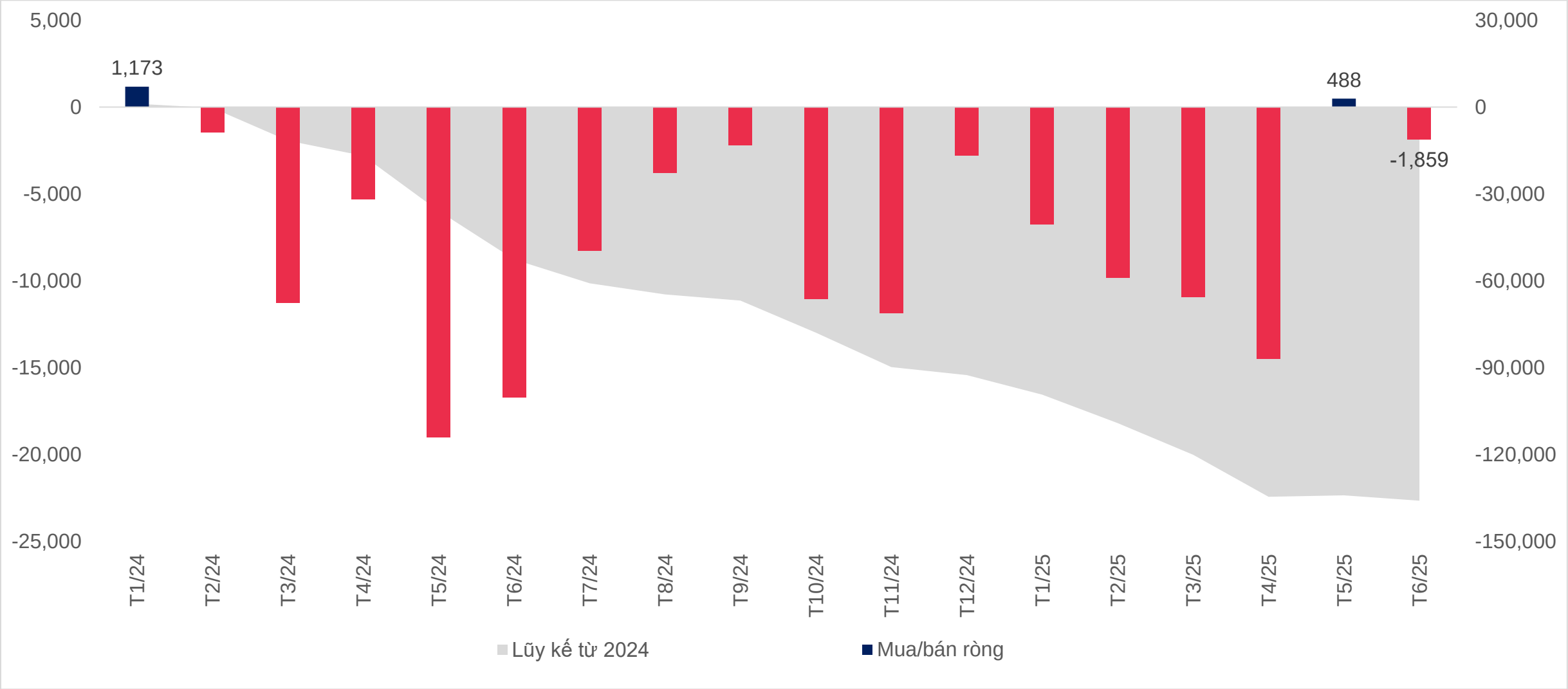


**Nguồn: FinX, MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Lạm phát đang xuống thang trên toàn châu Á do giá thực phẩm và xăng dầu giảm và đồng nội tệ của nhiều nước tăng giá so với đồng USD giúp làm giảm chi phí nhập khẩu. Thực tế này giúp các nhà hoạch định chính sách trong khu vực có thêm dư địa để hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh rủi ro từ thuế quan Mỹ và sự bất định liên quan tới thuế quan gây áp lực lên triển vọng tăng trưởng.

*Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)*

| T Country | Date | Daily | WTD | MTD | QTD | YTD | 12M |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Equity** | | | | | | | |
| Asia (11) | | | | | | | |
| China | 31MAR2025 | | | +4,271.5 | +8,605.6 | +8,605.6 | +19,065.2 |
| India | 11JUN2025 | -15.4 | +626.3 | +334.3 | +3,343.3 | -10,193.5 | -7,230.7 |
| Indonesia | 12JUN2025 | -17.4 | +50.9 | -237.5 | -1,133.6 | -2,963.2 | -1,376.2 |
| Japan | 06JUN2025 | | +1,244.0 | +1,244.0 | +40,151.4 | +2,805.4 | -33,482.1 |
| Malaysia | 12JUN2025 | -30.2 | -55.1 | -146.4 | -326.5 | -2,568.4 | -3,519.5 |
| Philippines | 11JUN2025 | +11.6 | -13.6 | -3.9 | -317.2 | -526.5 | -460.6 |
| S. Korea | 13JUN2025 | -83.4 | +1,796.4 | +3,599.8 | -2,384.5 | -7,776.9 | -20,937.8 |
| Sri Lanka | 12JUN2025 | +.0 | -.4 | -1.6 | +1.5 | -34.3 | -38.3 |
| Taiwan | 12JUN2025 | +176.9 | +2,247.6 | +524.2 | +7,921.6 | -10,368.0 | -33,199.6 |
| Thailand | 12JUN2025 | -22.6 | +7.9 | -64.8 | -985.6 | -2,157.7 | -3,607.9 |
| Vietnam | 12JUN2025 | +17.5 | +9.9 | -70.3 | -563.9 | -1,568.2 | -3,238.2 |

*Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)*

**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

## Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)

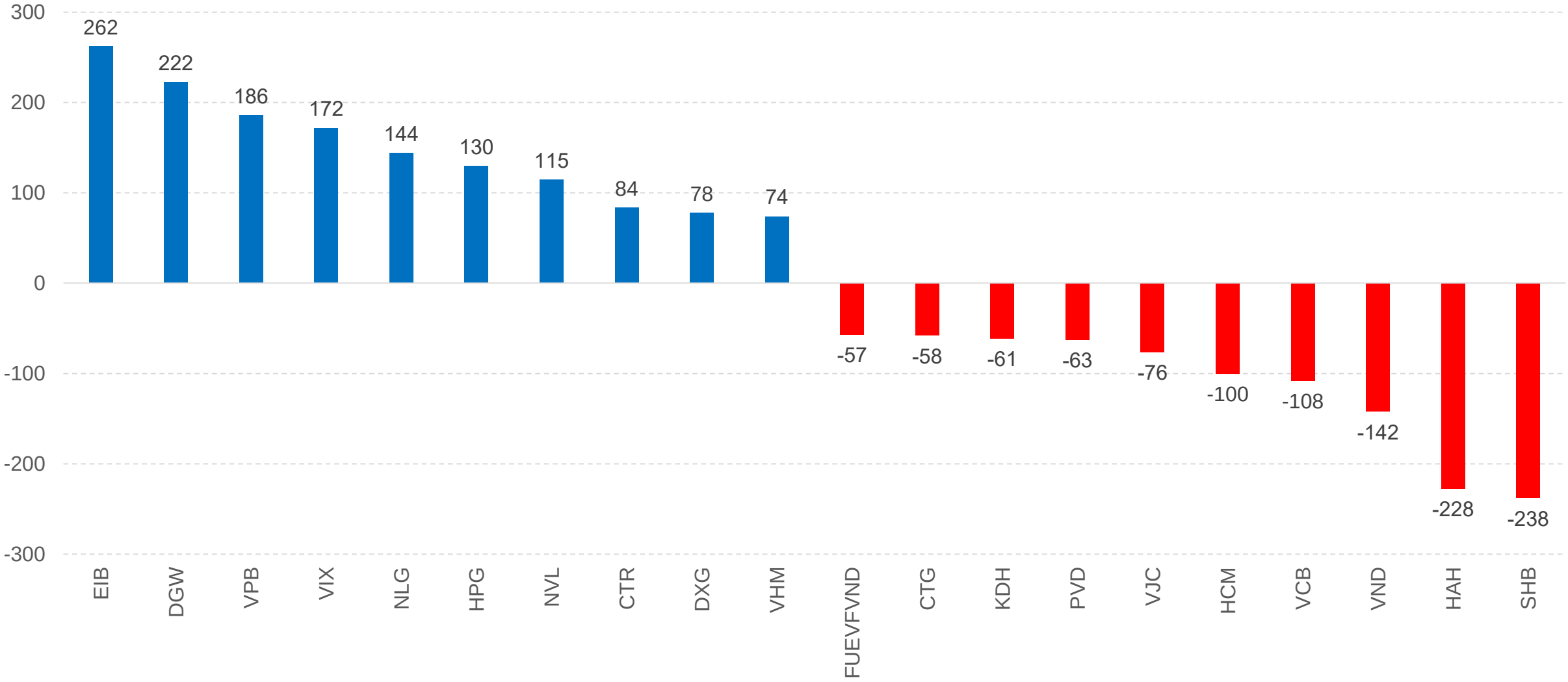


Nguồn: FinX, MBS Research

## Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)

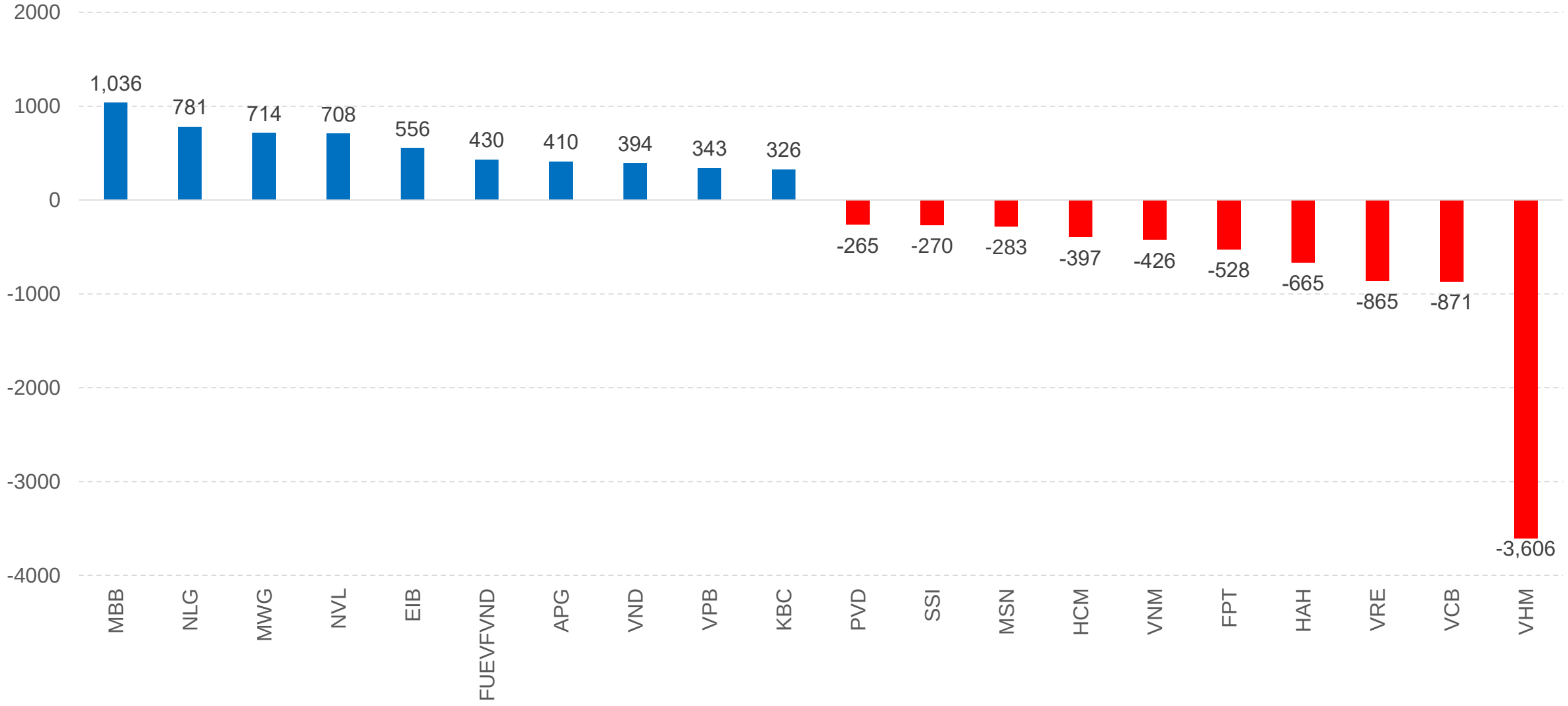


Nguồn: FinX, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

| | 06/13/2025 | 06/06/2025 | 05/30/2025 | 05/23/2025 | 05/16/2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Dầu khí | 6.2% | 48.5% | 57.4% | -18.5% | -14.1% |
| Ngân hàng | 8.8% | -8.5% | -26.5% | -14.4% | 91.0% |
| Chứng khoán | -38.5% | 22.8% | 4.5% | -2.4% | 58.8% |
| Bất động sản | -22.9% | -2.0% | 74.5% | 17.7% | -10.2% |
| Dệt may | -28.1% | -42.3% | 154.4% | -26.0% | 11.6% |
| Bán lẻ | 24.8% | -9.6% | 13.3% | -22.8% | 53.8% |
| Vingroup | -8.9% | -28.6% | -11.3% | 13.3% | 28.9% |
| Xây dựng & VLXD | 7.1% | -10.4% | 51.8% | -36.3% | 80.9% |
| Thực phẩm | -18.8% | 37.4% | -19.7% | -7.3% | 39.2% |
| Thủy sản | -11.8% | -51.7% | 101.4% | -37.1% | 42.2% |
| Logistics | 6.3% | -43.2% | 80.1% | 0.2% | 0.2% |
| Dược phẩm | -15.2% | -27.6% | 0.3% | 42.0% | -8.8% |
| Sản xuất & PP Điện | -32.0% | 16.7% | -0.1% | 10.4% | 7.6% |
| Đầu tư công | -21.5% | -3.3% | -9.1% | 29.4% | 28.0% |
| Hóa chất | 14.1% | -1.0% | 15.0% | -3.0% | 9.7% |
| Cao su tự nhiên | -21.6% | -15.6% | 83.8% | -31.1% | 5.8% |
| Bảo hiểm | -34.5% | -15.3% | 46.8% | -12.8% | -25.7% |
| Ô tô và phụ tùng | -3.5% | 2.8% | 1.8% | -6.8% | 30.9% |
| Dịch vụ | 4.4% | 6.7% | -10.4% | 35.0% | -15.7% |
| BDS KCN | -20.3% | -32.9% | 29.8% | -11.4% | 5.2% |
| Viettel | 165.9% | 3.7% | -34.4% | -13.5% | 11.1% |
| Du lịch | -25.0% | -19.6% | 28.5% | -1.9% | 2.2% |
| Công nghệ | 28.3% | -14.4% | -39.1% | -26.2% | 29.4% |
| Đường | -5.4% | -25.1% | 3.2% | -2.8% | 8.0% |

## Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

| | 06/13/2025 | 06/06/2025 | 05/30/2025 | 05/23/2025 | 05/16/2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Dầu khí | 4.3% | 3.7% | 2.4% | 1.6% | 1.8% |
| Ngân hàng | 21.6% | 18.0% | 18.9% | 27.1% | 29.2% |
| Chứng khoán | 12.7% | 18.9% | 14.7% | 14.8% | 14.0% |
| Bất động sản | 14.9% | 17.6% | 17.2% | 10.4% | 8.1% |
| Dệt may | 0.5% | 0.7% | 1.1% | 0.5% | 0.6% |
| Bán lẻ | 5.8% | 4.2% | 4.5% | 4.2% | 5.0% |
| Vingroup | 6.0% | 6.0% | 8.0% | 9.5% | 7.7% |
| Xây dựng & VLXD | 7.4% | 6.3% | 6.8% | 4.7% | 6.8% |
| Thực phẩm | 3.6% | 4.0% | 2.8% | 3.7% | 3.6% |
| Thủy sản | 0.4% | 0.4% | 0.8% | 0.4% | 0.6% |
| Logistics | 2.7% | 2.3% | 4.0% | 2.3% | 2.1% |
| Dược phẩm | 0.2% | 0.3% | 0.3% | 0.4% | 0.2% |
| Sản xuất & PP Điện | 1.6% | 2.2% | 1.8% | 1.9% | 1.6% |
| Đầu tư công | 2.6% | 3.0% | 3.0% | 3.5% | 2.5% |
| Hóa chất | 4.5% | 3.6% | 3.5% | 3.2% | 3.1% |
| Cao su tự nhiên | 0.3% | 0.3% | 0.4% | 0.2% | 0.3% |
| Bảo hiểm | 0.2% | 0.2% | 0.3% | 0.2% | 0.2% |
| Ô tô và phụ tùng | 0.9% | 0.9% | 0.8% | 0.9% | 0.8% |
| Dịch vụ | 1.6% | 1.4% | 1.2% | 1.4% | 1.0% |
| BDS KCN | 2.1% | 2.4% | 3.5% | 2.8% | 2.9% |
| Viettel | 2.1% | 0.7% | 0.7% | 1.1% | 1.1% |
| Du lịch | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Công nghệ | 3.6% | 2.6% | 2.9% | 5.0% | 6.2% |
| Đường | 0.2% | 0.2% | 0.3% | 0.3% | 0.3% |

**Nguồn: MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

**Mặt bằng cổ phiếu điều chỉnh sau 2 tuần điều chỉnh, ngoại trừ các nhóm cổ phiếu đang thu hút dòng tiền như Viettel, Dầu khí, Hóa chất**

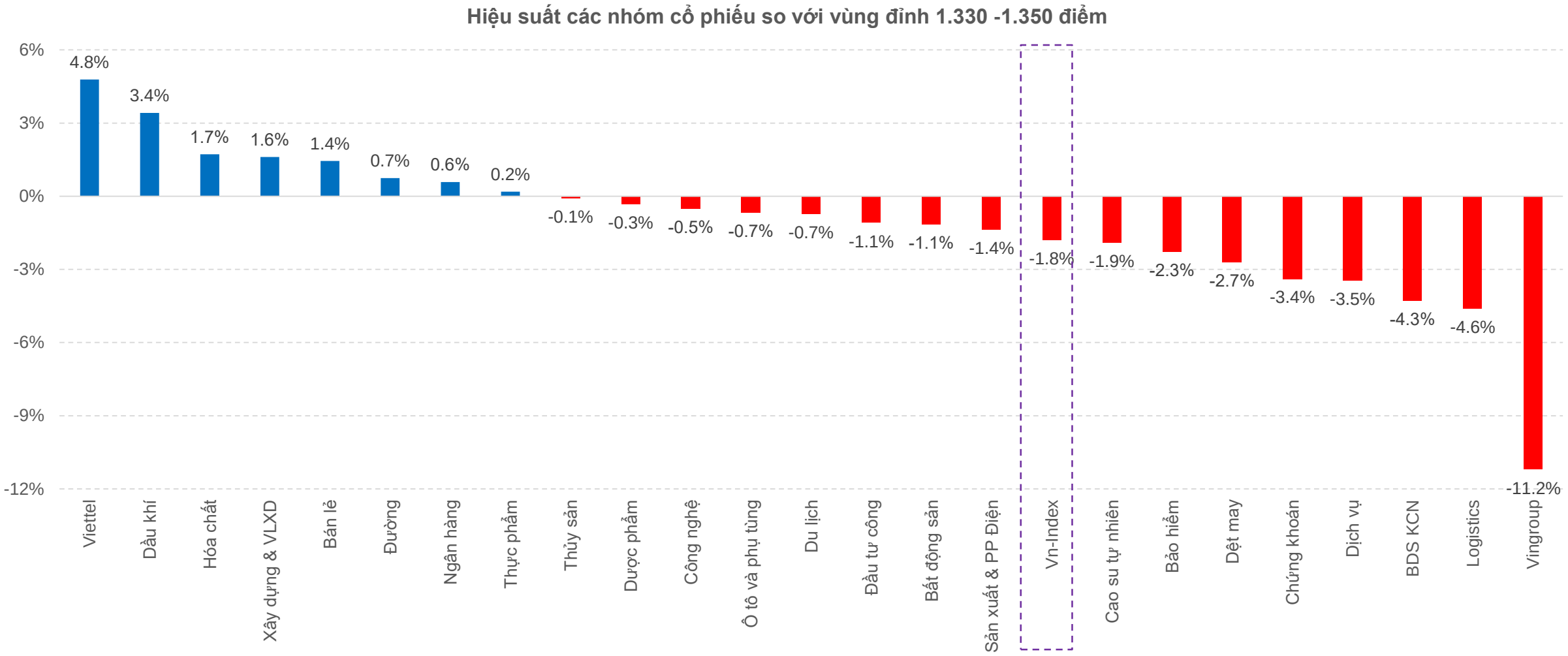


**Nguồn: MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

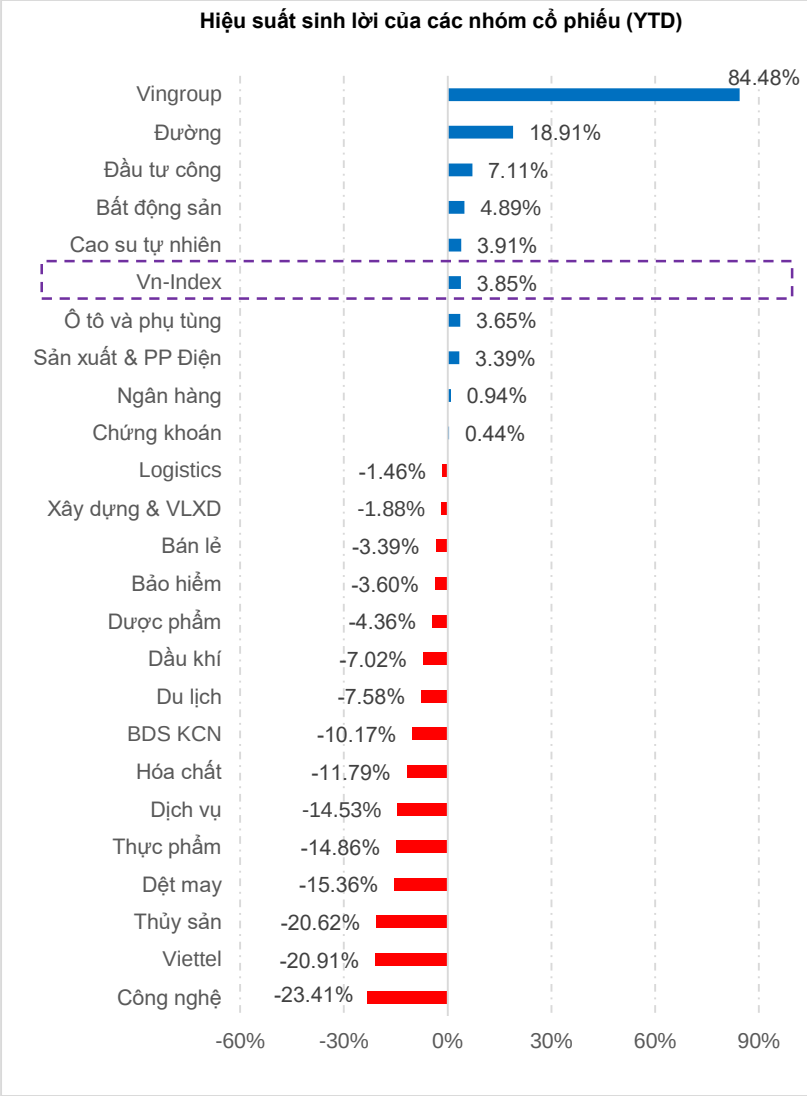


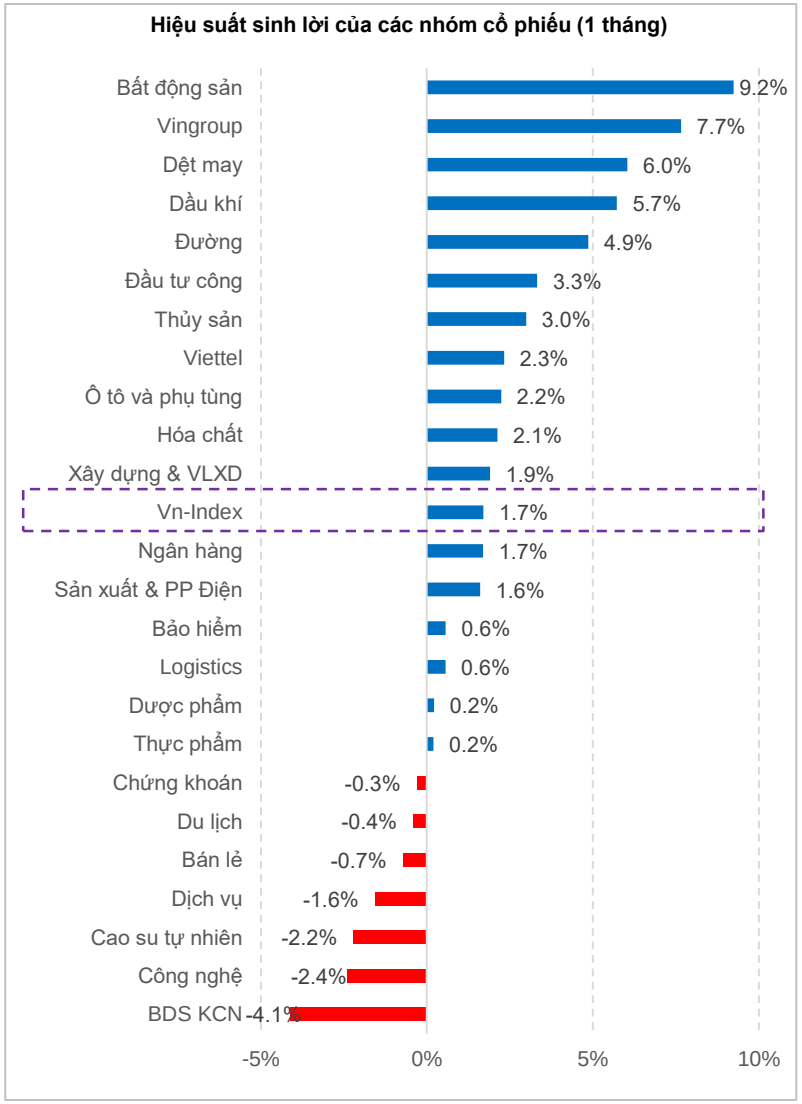


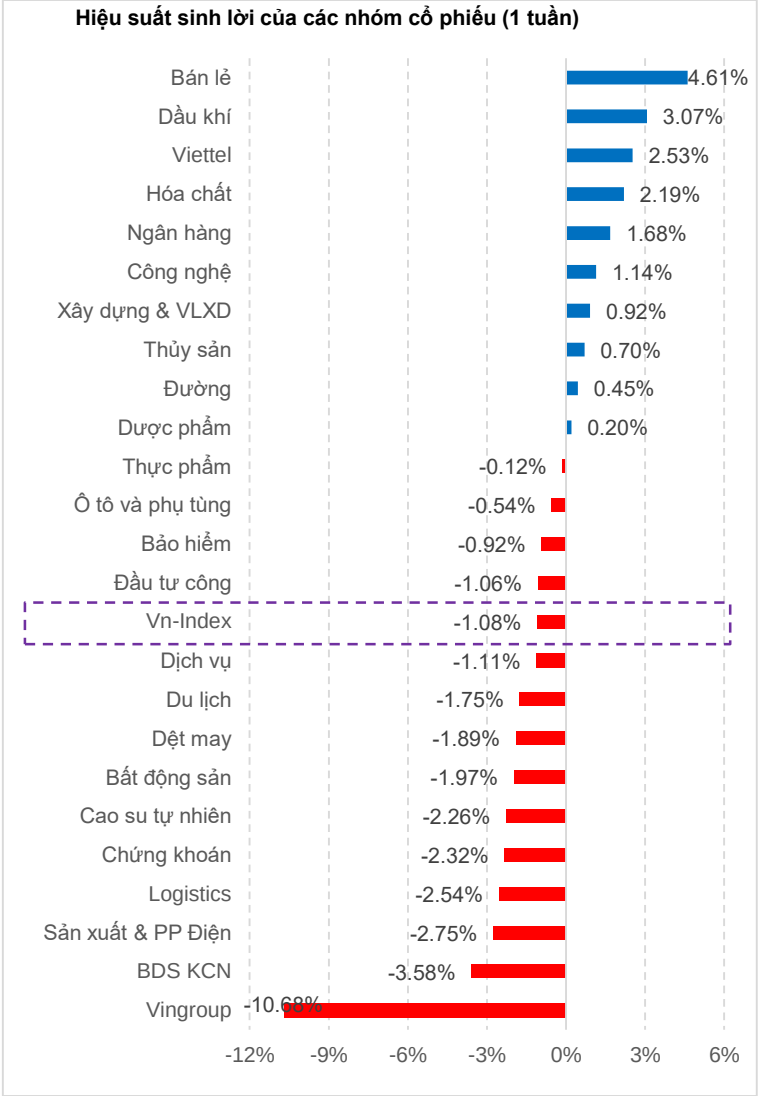


*Nguồn:, MBS Research*

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phiên

| STT | MCK | Giá đóng cửa (13/06) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VNINDEX | 1315.49 | -1.08 | 1.71 | 3.85 | |
| 1 | SHB | 12.90 | -2.27 | 2.20 | 44.92 | 885 |
| 2 | HPG | 26.40 | 1.34 | 2.33 | -0.94 | 857 |
| 3 | TCB | 31.20 | 2.97 | 6.12 | 26.57 | 574 |
| 4 | STB | 44.90 | 7.54 | 11.97 | 21.68 | 555 |
| 5 | FPT | 115.40 | 1.21 | -2.60 | -23.68 | 521 |
| 6 | MWG | 63.20 | 4.46 | -0.47 | 3.61 | 516 |
| 7 | VIX | 13.00 | -4.06 | 1.17 | 31.98 | 509 |
| 8 | MBB | 24.85 | 2.90 | 1.43 | 13.95 | 477 |
| 9 | CEO | 17.40 | -3.87 | 34.88 | 31.82 | 431 |
| 10 | SSI | 23.15 | -1.91 | -1.07 | -11.13 | 424 |
| 11 | VHM | 68.40 | -10.00 | 10.32 | 71.00 | 404 |
| 12 | VIC | 85.50 | -11.86 | 7.41 | 110.85 | 376 |
| 13 | VND | 16.15 | -1.82 | 6.60 | 28.17 | 364 |
| 14 | CTG | 39.90 | 4.45 | 1.27 | 5.56 | 359 |
| 15 | NVL | 14.30 | 0.00 | 18.67 | 39.51 | 358 |
| 16 | EIB | 22.65 | -6.02 | 14.97 | 17.36 | 358 |
| 17 | DIG | 16.75 | -6.94 | 12.64 | -6.13 | 346 |
| 18 | MSN | 65.40 | 0.62 | 5.31 | -6.57 | 342 |
| 19 | VPB | 18.15 | 1.97 | 5.33 | -2.90 | 333 |
| 20 | DBC | 30.35 | 1.85 | 5.20 | 9.37 | 328 |
| 21 | GEX | 33.90 | -5.83 | 20.64 | 89.87 | 299 |
| 22 | PVS | 34.80 | 6.42 | 26.55 | 2.65 | 288 |
| 23 | DXG | 15.75 | -0.63 | 12.50 | 23.38 | 229 |
| 24 | CII | 14.05 | -5.39 | 6.44 | 0.72 | 228 |
| 25 | DGC | 92.70 | 3.23 | 1.20 | -20.50 | 224 |
| 26 | HAH | 69.90 | -8.03 | 2.49 | 41.21 | 218 |
| 27 | DGW | 40.30 | 19.58 | 21.06 | 1.78 | 210 |
| 28 | SHS | 12.80 | -5.19 | 2.40 | 18.18 | 210 |
| 29 | PVD | 20.45 | 4.87 | 9.07 | -12.61 | 195 |
| 30 | VCI | 35.35 | -1.53 | -4.07 | 7.25 | 191 |

**Nguồn: MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phiên

| STT | MCK | Giá đóng cửa (13/06) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VNINDEX | 1315.49 | -1.08 | 1.71 | 3.85 | |
| 31 | HCM | 25.20 | -1.37 | -2.33 | -11.42 | 183 |
| 32 | HDB | 21.60 | -0.92 | -0.92 | -15.29 | 178 |
| 33 | VRE | 24.55 | -7.36 | -3.35 | 43.15 | 173 |
| 34 | VCB | 56.20 | 0.18 | -1.06 | -7.80 | 164 |
| 35 | VTP | 118.00 | 7.76 | 2.52 | -13.81 | 164 |
| 36 | VNM | 55.50 | 0.36 | -1.77 | -9.36 | 162 |
| 37 | DPM | 35.60 | 5.95 | 5.01 | 1.71 | 156 |
| 38 | PDR | 16.75 | -5.90 | 1.52 | -19.08 | 156 |
| 39 | VCG | 19.70 | -3.02 | 2.83 | 21.52 | 151 |
| 40 | TCH | 19.05 | -4.27 | 5.83 | 25.74 | 150 |
| 41 | EVF | 10.15 | -6.02 | 1.50 | 11.54 | 142 |
| 42 | NLG | 37.45 | 0.54 | 13.96 | 3.83 | 139 |
| 43 | ACB | 21.05 | 0.24 | 2.40 | -2.36 | 133 |
| 44 | BAF | 35.05 | -1.27 | 0.14 | 24.73 | 129 |
| 45 | HVN | 38.10 | -0.52 | 9.33 | 32.98 | 127 |

| STT | MCK | Giá đóng cửa (13/06) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 46 | HHS | 15.30 | 0.99 | 17.24 | 106.20 | 127 |
| 47 | VPI | 52.30 | 2.55 | 3.56 | -12.54 | 125 |
| 48 | KBC | 24.40 | -4.31 | -5.61 | -10.29 | 121 |
| 49 | MSB | 11.95 | 3.02 | 4.37 | 2.58 | 114 |
| 50 | HSG | 16.30 | 0.62 | 8.67 | -9.07 | 114 |
| 51 | TPB | 13.20 | 0.76 | -2.94 | -14.95 | 111 |
| 52 | GMD | 55.60 | -3.30 | -0.54 | -14.72 | 110 |
| 53 | FRT | 171.10 | 3.70 | -2.23 | -7.81 | 110 |
| 54 | HDC | 24.50 | -2.58 | 5.38 | -2.20 | 106 |
| 55 | GEE | 93.90 | -3.59 | 10.47 | 236.09 | 105 |
| 56 | POW | 12.80 | -4.48 | 0.00 | 6.67 | 104 |
| 57 | FTS | 35.55 | -1.52 | 0.85 | -6.08 | 101 |
| 58 | NKG | 13.00 | -2.99 | 3.59 | -10.03 | 101 |
| 59 | DCM | 34.10 | 1.04 | 1.49 | -4.21 | 101 |

Nguồn: MBS Research

## Chỉ số Vn-Index gặp khó ở vùng 1.340 điểm và tạo sự phân kỳ dẫn đến nguy cơ điều chỉnh ngắn hạn

Kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.300 điểm trong khi chờ tin thuế quan, vùng kháng cự ở khu vực 1.340 điểm

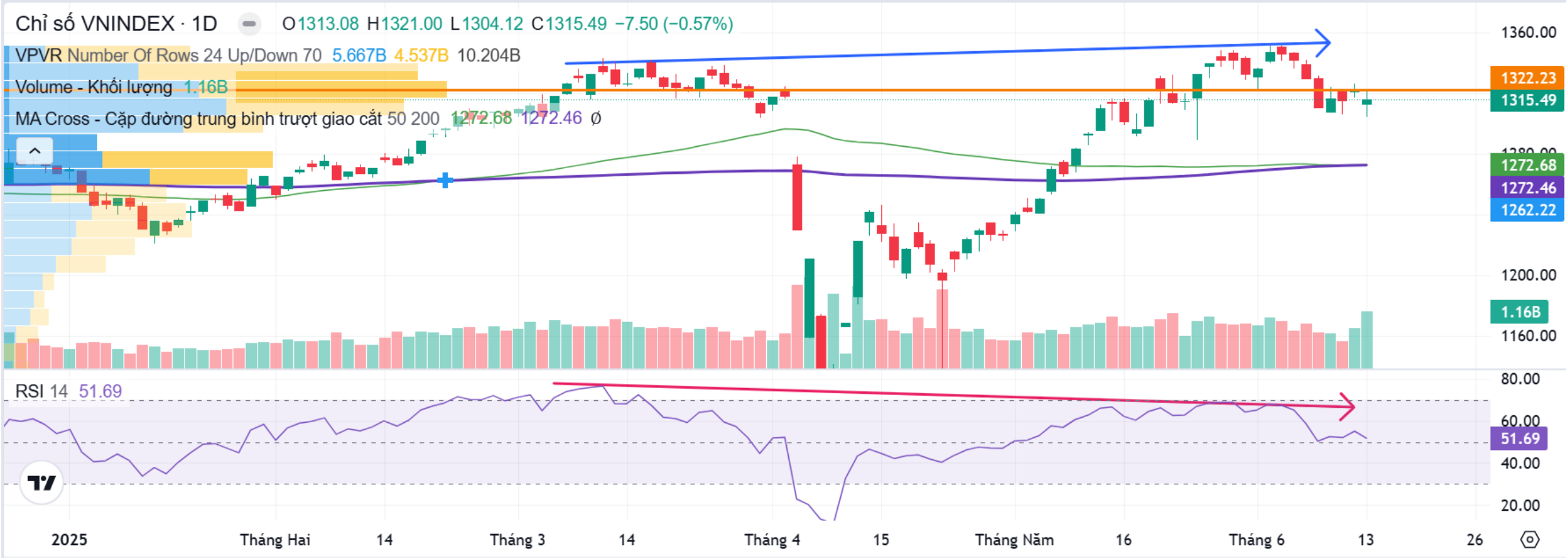

## Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

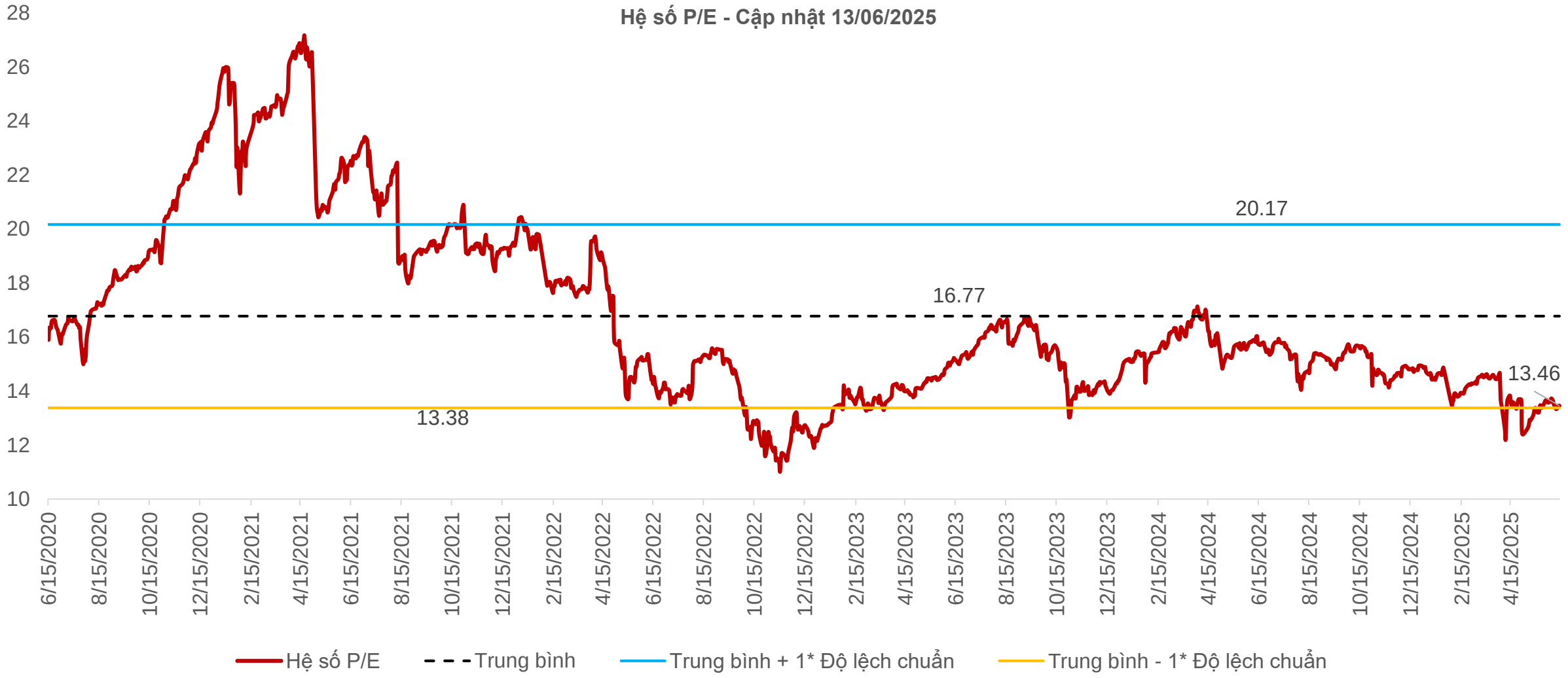


**Nguồn: Bloomberg, MBS Research**

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Nhận định thị trường: Trong 7 năm trở lại đây, xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 6 không cao (28,6%)

| | Jan | Feb | Mar | Apr | May | Jun | Jul | Aug | Sep | Oct | Nov | Dec |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 Yr Avg | 2.47 | 1.98 | -1.51 | .18 | 1.88 | .65 | 1.29 | 1.79 | -.54 | -1.13 | 2.28 | 1.19 |
| 2025 | -.14 | 3.19 | .11 | -6.16 | 8.67 | -1.28 | | | | | | |
| 2024 | 3.04 | 7.59 | 2.50 | -5.81 | 4.32 | -1.30 | .50 | 2.59 | .32 | -1.82 | -1.11 | 1.31 |
| 2023 | 10.34 | -7.78 | 3.90 | -1.46 | 2.48 | 4.19 | 9.17 | .09 | -5.71 | -10.91 | 6.41 | 3.27 |
| 2022 | -1.29 | .76 | .14 | -8.40 | -5.42 | -7.36 | .73 | 6.15 | -11.59 | -9.20 | 1.99 | -3.94 |
| 2021 | -4.28 | 10.59 | 1.97 | 4.02 | 7.15 | 6.06 | -6.99 | 1.64 | .80 | 7.62 | 2.37 | 1.34 |
| 2020 | -2.54 | -5.81 | -24.90 | 16.09 | 12.40 | -4.55 | -3.24 | 10.43 | 2.67 | 2.24 | 8.39 | 10.05 |
| 2019 | 2.03 | 6.02 | 1.58 | -.11 | -2.02 | -1.04 | 4.39 | -.77 | 1.27 | .23 | -2.81 | -1.01 |
| 2018 | 12.81 | 1.01 | 4.72 | -10.58 | -7.52 | -1.08 | -.46 | 3.47 | 2.79 | -10.06 | 1.29 | -3.67 |
| 2017 | 4.87 | 1.94 | 1.62 | -.63 | 2.80 | 5.24 | .91 | -.10 | 2.77 | 4.08 | 13.45 | 3.61 |
| 2016 | -5.83 | 2.59 | .33 | 6.62 | 3.35 | 2.23 | 3.16 | 3.43 | 1.65 | -1.45 | -1.59 | -.03 |
| 2015 | 5.58 | 2.86 | -6.99 | 2.04 | 1.27 | 4.12 | 4.72 | -9.07 | -.37 | 7.95 | -5.63 | 1.02 |

Nguồn: Bloomberg

**Ưu điểm vượt trội:**

(1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.

(2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.

(4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.

(5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

**Luận điểm:**

(1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.

(2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside >= 1.

(3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.

(4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

# Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha
## Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS

**1 tuần**

DM Alpha 1.8%

Vnindex -1,1%

**2 tuần**

DM Alpha 2,27%

Vnindex -1,3%

**Từ ngày khởi tạo**

DM Alpha 0,5%

Vnindex 8,9%

*Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024*
*Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2924*

## Danh mục nắm giữ hiện tại

| STT | Mã | Giá khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá Mục tiêu | Giá cắt lỗ | % Lãi dự kiến | % Lỗ dự kiến | Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại) | Ngày hiện tại | Giá hiện tại | Lãi lỗ tạm tính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VCG | 21,600 | 4/25/2025 | 25,000 | 20,300 | 15.74% | -6.02% | 34 | 6/13/2025 | 22,200 | 2.78% |
| 2 | CTG | 37,200 | 4/24/2025 | 42,000 | 35,000 | 12.90% | -5.91% | 35 | 6/13/2025 | 39,900 | 7.26% |
| 3 | MWG | 60,000 | 5/8/2025 | 78,000 | 56,500 | 30.00% | -5.83% | 25 | 6/13/2025 | 63,200 | 5.33% |
| 4 | FPT | 114,000 | 5/8/2025 | 130,000 | 102,000 | 14.04% | -10.53% | 25 | 6/13/2025 | 115,400 | 1.23% |
| 5 | FRT | 172,000 | 5/5/2025 | 202,000 | 163,000 | 17.44% | -5.23% | 27 | 6/13/2025 | 171,000 | -0.58% |

# Luận điểm đầu tư
## Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS

**CTG**

Việc giảm nhẹ trích lập dự phòng và phục hồi mạnh hơn của thu nhập ngoài lãi trong sẽ thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025.
Mặc dù chi phí trích lập dự báo không tang mạnh trong giai đoạn 2025/2026, chất lượng tài sản vẫn sẽ được cải thiện nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu.
Chúng tôi khuyến nghị KHẢ QUAN đối với CTG với giá mục tiêu mới là 52,100 VND/cp, nhờ điều chỉnh tăng P/B mục tiêu lên 1.5x nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 2 năm t

**VCG**

VCG được hưởng lợi đáng kể trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu
tư công dự kiến tăng trưởng 14% và ngành xây dựng dân dụng có triển vọng phục hồi tốt. Backlog mảng xây dựng dự kiến đạt mức 19,486 (+8% svck) nhờ trúng thầu tại các dự án lớn như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và đường Vành đai 3.5 (HN).
- Đối với mảng BĐS, triển vọng khả quan nhờ khả năng bán 1 phần dự án Cát Bà (hiện tại đang đàm phán với 1 số đối tác) và mở bán dự án Móng Cái , Bạch Mai. Nhờ đó, LN mảng BĐS dự kiến tăng trưởng 20% svck.
- Định giá ở mức hấp dẫn: Hiện tại PE forward của DN khoảng 9.5 (thấp hơn mức trung bình 11 trong 3 năm gần đây)

**MWG**

Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể:
(1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.

**FPT**

Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng.
Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động.
Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 146,700 đ

**FRT**

Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26.
Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu.
Chúng tôi đưa ra khuyến nghị KHẢ QUAN với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

**Giám đốc Khối Nghiên cứu**

Trần Thị Khánh Hiền

**Trưởng phòng**

Nguyễn Tiến Dũng

**Vĩ mô & Chiến lược thị trường**

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

**Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính**

Đinh Công Luyến

**Bất động sản**

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

**Dịch vụ - Tiêu dùng**

Nguyễn Quỳnh Ly

**Công nghiệp – Năng Lượng**

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng